

XBP

VV

54

**ĐỒNG NAI**

**30**  
**TUẦN**

*chiến tranh  
giải phóng*



**NHÀ XUẤT BẢN ĐỒNG NAI**

**BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**ĐỒNG NAI**  
**30 NĂM CHIẾN TRANH GIẢI PHÓNG**  
**(1945 – 1975)**  
**SƠ THẢO**

**NHÀ XUẤT BẢN ĐỒNG NAI**  
**1986**  
**BAN CHỈ ĐẠO BIÊN SOẠN**

**Trưởng ban:** Đồng chí Phạm Văn Hy, bí thư Tỉnh ủy  
**Phó ban:** Đồng chí Huỳnh Ngọc Báu, thiếu tướng chỉ huy trưởng Bộ  
chỉ huy quân sự tỉnh  
**Ủy viên:** - Đồng chí Nguyễn Công Hạnh, đại tá phó chỉ huy trưởng Bộ  
chỉ huy quân sự tỉnh  
- Đồng chí Phan Ngọc Danh, phó Ban tuyên giáo Tỉnh ủy.

**HƯỚNG DẪN NGHIỆP VỤ**

**Đồng chí Phan Đình, đại tá phó Phân viện trưởng Phân viện lịch sử quân sự Việt Nam thuộc Viện lịch sử quân sự Bộ Quốc Phòng**

## **TẬP THỂ BIÊN SOẠN**

**Hoàng Kim Chung**

**Phạm Thanh Quang**

**Trần Quang Toại**

**Trần Toàn**

**Với sự tham gia của Nguyễn Quang Hữu, Đàm Đức Thung, Nguyễn Yên Tri**

## **LỜI GIỚI THIỆU**

*Đồng Nai, một tỉnh với truyền thống miền Đông gian lao mà anh dũng nằm trong trục tam giác có ý nghĩa chiến lược Sài Gòn – Biên Hoà – Vũng Tàu, là cửa ngõ phía đông và đông nam thành phố Hồ Chí Minh.*

*Do vị trí quan trọng đó nên suốt 30 năm chiến tranh, chiến trường Đồng Nai là nơi diễn ra cuộc đấu tranh toàn diện và liên tục giằng công tác, quyết liệt giữa ta và địch.*

*Thực hiện đường lối chính trị, đường lối quân sự của Đảng, được sự lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát của Trung ương Cục, Quân uỷ Miền và của Khu uỷ : được sự chi viện của Trung ương, sự giúp đỡ và phối hợp chiến đấu của các tỉnh bạn, Đảng bộ và*

quân dân Đồng Nai đã phát huy cao độ lòng yêu nước và chủ nghĩa anh hùng cách mạng vừa chiến đấu, vừa xây dựng, phát triển lực lượng, liên tục tiến công địch, góp phần đánh bại hai tên đế quốc to là Pháp và Mỹ.

Sau khi cách mạng tháng Tám thành công, Đảng bộ và quân dân Đồng Nai cùng cả nước bước vào cuộc chiến đấu chống thực dân Pháp xâm lược. Với tinh thần “thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ”, từ hai bàn tay không, Đảng bộ, lực lượng vũ trang và nhân dân Đồng Nai càng chiến đấu càng trưởng thành, vượt qua gian khổ, hy sinh, làm nên những chiến công chói lọi như La Ngà, Trảng Bom, Bàu Cá... góp phần xây dựng và bảo vệ chiến khu Đ oai hùng, sản sinh ra chiến thuật đặc công, làm rạng rỡ thêm trang sử đấu tranh hào hùng của miền Nam thành đồng Tổ quốc.

Trong kháng chiến chống Mỹ, kẻ thù quyết tâm biến Đồng Nai thành hậu phương an toàn của chúng. Quân viễn chinh Mỹ, quân chư hầu, nguy quân, nguy quyền đã sử dụng nhiều âm mưu, thủ đoạn thâm độc và phương tiện chiến tranh hiện đại đánh phá ác liệt phong trào cách mạng hòng tiêu diệt và đánh bật lực lượng kháng chiến ra khỏi địa bàn Đồng Nai. Các cấp uỷ Đảng địa phương, cán bộ đảng viên, các lực lượng vũ trang tại chỗ được sự hỗ trợ của các đơn vị chủ lực Quân khu và Miền, đã dựa hẳn vào nhân dân, cùng nhân dân kiên cường bám trụ, liên tục tiến công và nổi dậy, nổi dậy và tiến công, đánh sâu, đánh hiểm vào cơ quan đầu não, hậu cứ, kho tàng của địch, tiêu hao, tiêu diệt nhiều sinh lực và phương tiện chiến tranh của chúng, giữ vững địa bàn, căn cứ, mở hành lang chiến lược tạo bàn đạp tiến công Sài Gòn.

Trong chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, quân và dân tỉnh ta đã phối hợp nhịp nhàng với quân dân Sài Gòn – Gia Định, với cả miền Nam, cả nước hoàn thành nhiệm vụ giải phóng tỉnh nhà, góp phần giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Chúng ta vô cùng trân trọng và tự hào về sự cống hiến, hy sinh to lớn của đồng bào, đồng chí trong suốt ba mươi năm ròng rã chiến đấu ngoan cường, và đã để lại cho chúng ta nhiều bài học kinh nghiệm quý báu.

Với sự giúp đỡ tích cực của Phân viện lịch sử quân sự, Phòng Lịch sử quân sự Quân khu 7, Ban Lịch sử quân sự thuộc Bộ chỉ huy quân sự tỉnh phối hợp với Phòng nghiên cứu lịch sử Đảng thuộc Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ đã nỗ lực hoàn thành cuốn lịch sử Đồng Nai 30 năm chiến tranh giải phóng. Công trình này đã được các đồng chí lãnh đạo, các cán bộ lão thành và đồng đạo cán bộ, chiến sĩ, cơ sở Cách mạng từng hoạt động, chiến đấu trên chiến trường Đồng Nai đóng góp nhiều tư liệu và ý kiến quý báu.

Để giáo dục truyền thống yêu nước, tinh thần đấu tranh cách mạng cho cán bộ, đảng viên, chiến sĩ và nhân dân nhất là đối với thanh niên, đồng viên toàn Đảng bộ và quân dân trong tỉnh phấn đấu thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ cho xuất bản cuốn **“Đồng Nai 30 năm chiến tranh giải phóng”**.

Thay mặt Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, chúng tôi xin chân thành cảm ơn tất cả các cơ quan, Nhà xuất bản, Nhà in cùng đồng đảo đồng chí, đồng bào đã đóng góp nhiều công sức để hoàn thành cuốn sách này phục vụ kịp thời nhiệm vụ chính trị, thiết thực chào mừng Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, đảng hội Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ IV.

Cuộc chiến tranh ác liệt kéo dài gần nửa thế kỷ, biết bao sự kiện lịch sử đã xảy ra, song nhiều tư liệu bị thất lạc, nhiều tư liệu chưa sưu tầm được. Mặt khác khả năng tổng hợp và kinh nghiệm biên soạn của các bộ nghiên cứu còn hạn chế, cuốn sách không tránh khỏi khuyết điểm và thiếu sót. Chúng tôi mong nhận được nhiều ý kiến đóng góp của các đồng chí và đồng bào để sửa chữa bổ sung cho lần in sau.

Thay mặt Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, chúng tôi xin trân trọng giới thiệu cuốn **ĐỒNG NAI 30 NĂM CHIẾN TRANH GIẢI PHÓNG** cùng bạn đọc.

**Đồng Nai, ngày 10 tháng 9 năm 1986**

**TM. BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

**BÍ THƯ**

**Phạm Văn Hy**

## **CHƯƠNG MỞ ĐẦU**

### **ĐỒNG NAI – ĐẤT NƯỚC VÀ CON NGƯỜI**

Theo quốc lộ số I từ Nam ra Bắc, vừa ra khỏi thành phố Hồ Chí Minh, chúng ta gặp một vùng đất đỏ có cảnh sắc tươi đẹp. Trước mắt chúng ta hiện ra một bức tranh có sự tương phản giữa màu đỏ của đất, màu vàng chói chang của nắng, màu xanh trù phú tươi mát của nhiều loại cây trái, màu trong xanh của một dòng sông lấp lánh dưới ánh mặt trời... Bức tranh thiên nhiên ấy là miền đất Đồng Nai, mà từ lâu đã trở nên thân thuộc qua những câu hò mời mọc thiết tha.

*“Nhà Bè nước chảy chia hai*

*Ai về Gia Định, Đồng Nai thì về”.*

Đồng Nai – một dải đất nằm ven sông Đồng Nai phần đất của dinh Trấn Biên do nhà Nguyễn lập ra năm 1698. Đến đời Minh Mạng (1832), dinh Trấn Biên được đổi thành tỉnh Biên Hoà.

Sau khi chiếm được Nam Kỳ, thực dân Pháp chia tỉnh Biên Hoà thành ba tỉnh Biên Hoà, Bà Rịa, Thủ Dầu Một. Thực dân Pháp vẫn giữ sự phân chia ấy cho đến khi ký kết hiệp định Giơnevơ tháng 7 năm 1954. Đến thời kỳ Mỹ nguy, năm 1957, hai tỉnh Biên Hoà, Bà Rịa được chia thành bốn tỉnh: Biên Hoà, Phước Tuy, Long Khánh, Phước Long. Năm 1959, dịch tổ chức thêm tỉnh Phước Thành, nhưng đến năm 1965 thì giải thể.

Về phía ta, trong chống Pháp, do yêu cầu chỉ đạo chiến trường, tháng 5-1951, tỉnh Biên Hoà và Thủ Dầu Một hợp thành tỉnh Thủ Biên; Bà Rịa và Chợ Lớn hợp thành tỉnh Bà Chợ. Trong thời chống Mỹ, các tỉnh Biên Hoà, Bà Rịa, Long Khánh khi tách ra khi nhập lại hình thành các tỉnh với tên gọi: Thủ Biên, Bà Rịa – Long Khánh, Bà Biên, U1, Phân khu 4, Phân khu Bà Rịa, Phân khu Thủ Biên, Tân Phú<sup>1</sup>.

Đồng Nai có nhiều lần thay đổi phạm vi lãnh thổ và tên gọi như trên, nhưng vẫn là một chiến trường thống nhất, một trọng điểm của Quân khu và Miền, một địa bàn, một hướng chiến lược quan trọng về phía đông và đông bắc Sài Gòn.

Sau khi miền Nam được hoàn toàn giải phóng, tháng 1 năm 1976, các tỉnh Biên Hoà, Bà Rịa – Long Khánh và Tân Phú hợp nhất lại thành tỉnh Đồng Nai với diện tích 7.587 km<sup>2</sup>. Hiện nay tỉnh gồm có thành phố Biên Hoà, thị xã Vĩnh An và 7 huyện: Long Thành, Châu Thành, Long Đất, Xuyên Mộc, Xuân Lộc, Thống Nhất, Tân Phú với 153 thị trấn, phường, xã.

---

<sup>1</sup> Tháng 5-1951, sáp nhập tỉnh Thủ Dầu Một và tỉnh Biên Hoà thành tỉnh Thủ Biên, sáp nhập tỉnh Bà Rịa và tỉnh Chợ Lớn thành tỉnh Bà Chợ.

Năm 1955, tách Thủ Biên thành Biên Hoà và Bà Rịa.

Tháng 9-1960 sáp nhập tỉnh Thủ Dầu Một và tỉnh Biên Hoà thành tỉnh Thủ Biên.

Tháng 7-1961, tách tỉnh Thủ Biên thành 2 tỉnh Biên Hoà và Thủ Dầu Một.

Tháng 12-1961, lập thêm tỉnh Long Khánh.

Tháng 3-1963, sáp nhập 2 tỉnh Bà Rịa và Long Khánh thành tỉnh Bà Rịa – Long Khánh

Tháng 4-1963, sáp nhập cả 3 tỉnh Bà Rịa, Long Khánh, Biên Hoà thành tỉnh Bà Biên.

Tháng 12-1963, tách tỉnh Bà Biên thành 2 tỉnh Biên Hoà và Bà Rịa – Long Khánh

Tháng 9-1965, lập tỉnh U1 gồm thị xã Biên Hoà, huyện Vĩnh Cửu và huyện Trảng Bom.

(Như vậy Đồng Nai có tỉnh Bà Rịa – Long Khánh, Biên Hoà và U1).

Tháng 12-1966, sáp nhập Bà Rịa, Biên Hoà, Long Thành thành tỉnh Bà Biên

Tháng 12-1966, tách Long Thành, Nhơn Trạch, Bình Sơn Ship quận 9 và nam Thủ Đức thành Phân khu 4 (Đồng Nai) gồm : Bà Rịa – Long Khánh, U1, Phân khu 4)

Tháng 5-1971, U1 nhập Phân khu 5 thành Phân khu Thủ Biên.

Sáp nhập Phân khu 4, Bà Rịa – Long Khánh thành Phân khu Bà Rịa. (Có quận Thủ Đức, không có quận 9).

Tháng 10-1972, lập lại tỉnh Bà Rịa – Long Khánh và Biên Hoà.

Sau hiệp định Paris 1973, tỉnh Biên Hoà lại chia ra gồm Biên Hoà nông thôn và Biên Hoà thị xã.

Tháng 10-1973, lập tỉnh căn cứ Tân Phú.

Tháng 1-1976, lập tỉnh Đồng Nai gồm tỉnh Biên Hoà, tỉnh Bà Rịa – Long Khánh và tỉnh căn cứ Tân Phú.

Đồng Nai vùng đất tiếp giáp giữa cực nam Trung Bộ và Nam Bộ, nối liền phần cuối dãy Trường Sơn với đồng bằng sông Cửu Long. Phía bắc Đồng Nai giáp với tỉnh Lâm Đồng, phía nam giáp biển Đông và đặc khu Vũng Tàu – Côn Đảo, phía đông giáp tỉnh Sông Bé và thành phố Hồ Chí Minh.

Đồng Nai có địa hình nghiêng từ hướng bắc – tây bắc xuống nam – đông nam và phân chia thành ba vùng khác nhau: Vùng núi cao, vùng đồi núi thoải, vùng thung lũng xen lẫn đồi gò thấp và đồng bằng.

Vùng đồi núi cao (100-800) chiếm 1/3 diện tích toàn tỉnh có nhiều ngọn núi như núi Chứa Chan (837m), núi Mây Tàu (543m), núi Dinh (476m)... Xa xưa, một số vùng ở đây là núi lửa. Nhưng cách đây rất lâu, nó đã trở thành một vùng cao nguyên đất đỏ bagian. Đất đai tơi xốp và màu mỡ rất thích hợp với các loại cây: cao su, hồ tiêu, cà phê, khoai, bắp và các loại đậu... Đồng Nai hiện nay, là một khu vực trọng điểm của ngành cao su.

Vùng đồi núi thoải (50m – 100m) nằm ở giữa tỉnh chiếm 1/3 diện tích là vùng đất đã được khai phá từ lâu đời để trồng cao su, lúa và hoa màu.

Trước đây, hai vùng đồi núi này được bao phủ bởi những cánh rừng rậm bạt ngàn. Rừng Đồng Nai có nhiều loại gỗ quý như: Cẩm lai, gõ, vên vên, bằng lăng, dầu, sao và nhiều lâm sản như: tre, nứa, lồ ô, sùng, mây, lá buông, các loại cây thuốc... có nhiều loài thú quý như: tê giác, voi, mìn, cá sấu, trăn rắn, hươu, nai, khỉ, vượn... Trải qua những thời kỳ “khai hóa văn minh” của thực dân Pháp, các lần khai quang bằng chất độc hóa học, bom, đạn, dùng xe ủi phá địa hình để lại những “vùng trắng” của đế quốc Mỹ, hơn 50% diện tích rừng của Đồng Nai bị tàn phá, nhất là những vùng đầu nguồn sông Mã Đà, sông Bé, sông La Ngà và rừng Sác. Hiện nay, Đồng Nai chỉ còn 200.000 ha rừng các loại (chiếm dưới 30 diện tích toàn tỉnh), rừng gỗ tốt còn lại rất ít.

Tiếp nối với hai vùng đồi núi rộng lớn là vùng đồng bằng và thung lũng có xen lẫn những đồi gò thấp nằm trải nghiêng về phía biển Đông. Đây là vùng đất phù sa mới với khoảng 51.000 ha tạo nên vùng trọng điểm lúa Long Thành. Dải đất nằm ven sông Đồng Nai từ Vĩnh Cửu tới Phú Hội từ hơn 200 năm trước đã nổi tiếng về cây ăn quả: bưởi, xoài, vú sữa: chôm chôm, sầu riêng, mít tố nữ, cau...

Bờ biển Đồng Nai dài khoảng 70 km, đoạn phía tây thuộc huyện Châu Thành sinh lầy và đang tiếp tục được bồi đắp. Đoạn phía đông, từ Bình Châu tới giáp Vũng Tàu là những bãi cát phẳng, mịn màng nối tiếp nhau, thỉnh thoảng được tô điểm một vài mũi đá nhô ra biển và vài cửa sông nhỏ. Bãi biển Long Hải, Phước Hải, hồ Cốc,



Lộc An là những thắng cảnh, hàng năm thu hút hàng chục ngàn khách du lịch tới nghỉ mát và thưởng ngoạn. Các xã ven biển Long Điền, Long Hải, An Ngãi... mỗi năm thu hoạch trên dưới 50.000 tấn muối, không chỉ dùng trong tỉnh, mà còn cung cấp cho các tỉnh bạn. Tại vùng ngư trường giáp Thuận Hải, hàng năm, ngành thủy sản đánh bắt trên 12.000 tấn tôm, cá, mực...

Ngoài những nguồn lợi về kinh tế, bờ biển Đồng Nai còn có tầm quan trọng về quân sự. Các bãi biển Phước Tỉnh, Long Hải, Phước Hải 1, Phước Hải 2... là nơi địch có thể đổ quân tiến công vào đất liền rồi mở rộng ra các hướng khác.

Đồng Nai có một mạng lưới sông ngòi kinh rạch chằng chịt trong đó có các con sông lớn: Sông Đồng Nai, sông Ray, sông Thị Vải, sông Lòng Tàu, sông Dinh, đây là một nguồn cung cấp năng lượng thủy điện lớn: 975.000 kw. Sông Đồng Nai là con sông lớn nhất ở miền Đông Nam Bộ bắt nguồn từ cao nguyên Lâm Viên (với nhiều phụ lưu như sông La Ngà, sông Bé, sông Sài Gòn và sông Vàm Cỏ) đoạn chảy qua Đồng Nai dài 29 km. Hiện nay một nhà máy thủy điện – nhà máy thủy điện Trị An đang được xây dựng.

Đồng Nai còn có nhiều khoáng sản như đá ở núi Dinh, núi Da Qui, Sóc Lu, Bửu Long, cát ở các sông suối là nguồn vật liệu xây dựng. Đất sét để phát triển nghề làm gạch ngói và đồ gốm ở nhiều nơi. Cát trắng ở Bình Châu rất tinh khiết là nguyên liệu cho ngành thủy tinh. Đá quý ở Xuân Lộc được dùng làm đồ trang sức mỹ nghệ. Suối Nghệ, suối Đan Com (xã Phú Bình), suối nước nóng Bình Châu là những suối khoáng có thể khai thác qui mô lớn để phục vụ sức khỏe nhân dân.

Đồng Nai nằm trong khu vực nhiệt đới gió mùa, sáu tháng mùa khô và sáu tháng mùa mưa. Mùa mưa kéo dài từ tháng 5 đến tháng 10, lượng mưa trung bình hàng năm 1.700 mm. Về mùa này thường có những cơn mưa dông, mưa rào xối xả như trút nước, rồi lại tạnh ngay, Đồng Nai ít khi bị lụt. Từ đầu thế kỷ 20, chỉ có một trận lụt gây thiệt hại lớn (năm Nhâm Thìn – 10-1952). Mùa khô kéo dài từ tháng 11 đến tháng 4. Về mùa này hầu như không có mưa, buổi trưa trời thường rất nóng, nhưng về chiều tối lại dịu mát và có khi se lạnh vào những đêm cuối tháng mười hai đến đầu tháng giêng (dương lịch). So với nhiều miền đất khác trong nước, khí hậu Đồng Nai tương đối thuận hoà.

Để phục vụ cho cuộc chiến tranh xâm lược, từ thời Pháp đến thời Mỹ, mảnh đất Đồng Nai – với vị trí chiến lược của nó – đã có những biến đổi rõ rệt so với nhiều tỉnh khác ở miền Nam. Đồng Nai là tỉnh duy nhất ở miền Nam có khu công nghiệp lớn hiện đại – Khu công nghiệp Biên Hoà, khu công nghiệp này được hình thành và

phát triển mạnh từ năm 1965, chủ yếu làm nhiệm vụ hậu cần tại chỗ cho cuộc chiến tranh xâm lược của Mỹ. Sau giải phóng, chính quyền nhân dân đã tiếp tục phát triển khu công nghiệp này. Các sản phẩm công nghiệp của Biên Hoà chiếm một vị trí quan trọng trong sản xuất và đời sống của nhân dân.

Về giao thông, ngoài hệ thống đường biển, đường sông, Đồng Nai có một mạng lưới đường bộ dày đặc. Các trục lộ lớn là quốc lộ 1, 15, 20 và các đường liên tỉnh 2, 3, 16, 23, 24, 25. Quốc lộ 1 chạy qua Đồng Nai tới Sài Gòn, một trung tâm lớn về kinh tế, chính trị và quân sự. Ngoài ra đế quốc Mỹ đã cho xây dựng xa lộ Biên Hoà – Sài Gòn, rộng 14 m và dài 32 km, để tạo thuận lợi cho việc cơ động lực lượng bảo vệ cửa ngõ phía đông của “thủ đô Sài Gòn”.

Bên cạnh đường bộ, Đồng Nai còn có một hệ thống đường không. Sau chiến tranh thế giới thứ nhất, Pháp xây dựng một sân bay tại Biên Hoà. Khi Mỹ nhảy vào thay chân Pháp, Mỹ đã mở rộng và hiện đại hoá thành sân bay quân sự lớn nhất ở miền Nam. Ngoài ra, chúng còn xây dựng 18 sân bay dã chiến khác.

Sau khi miền Nam hoàn toàn giải phóng, một tuyến đường sắt Thống Nhất nhanh chóng được xây dựng lại; Đồng Nai có thêm 90 km đường sắt chạy xuyên qua tỉnh.

Đồng Nai với khu vực Biên Hoà, khu vực Bà Rịa nối liền với biển và căn cứ cách mạng chiến khu Đ tạo thành khu tam giác có ý nghĩa chiến lược ở phía đông Sài Gòn. Cùng với một hệ thống đường thủy, đường bộ, đường sắt, đường không, từ Đồng Nai có thể đi xuống miền Tây Nam Bộ, đi lên Tây Nguyên, đi ra miền Trung, miền Bắc, đi sang Campuchia và Hạ Lào... một cách dễ dàng và thuận lợi. Chính vì thế trong chiến tranh Đồng Nai là địa bàn tranh chấp quyết liệt giữa ta và địch.

Dân số Đồng Nai hiện nay khoảng 1.600.000 người thuộc nhiều dân tộc khác nhau qui tụ lại. Người Việt chiếm 92,8%. Một số dân tộc Chơ ro, Mạ, Xtiêng, Kơ-ho, Tày, Nùng, Thái, Dao... sống ở vùng đồi núi với những phong tục riêng biệt.

Đồng Nai có nhiều tôn giáo: Đạo Phật, đạo Thiên Chúa, đạo Tin Lành, đạo Cao Đài, đạo Ixiam (đạo Hồi).

Đạo Phật vào Đồng Nai đã từ lâu đời, có quan hệ nhiều với cách mạng.

Đạo Thiên Chúa vào Đồng Nai từ cuối thế kỷ 18. Sau hiệp định Giơnevơ 1954, Mỹ – Diệm dụ dỗ cưỡng ép khoảng một triệu đồng bào theo đạo Thiên Chúa từ miền Bắc di cư vào Nam. 147.000 người đã được Mỹ – Diệm định cư dọc các lộ 1, 15, 20... và vào sâu cả những vùng căn cứ cũ của ta với ý đồ để làm hàng rào bảo vệ

các con đường huyết mạch trong tỉnh và bảo vệ Sài Gòn. Hiện nay đạo Thiên Chúa có 515.512 tín đồ.

Đạo Tin Lành truyền giảng ở Biên Hoà năm 1921. Trước 1954, tín đồ Tin Lành ít. Sau khi Mỹ xâm chiếm miền Nam, đạo này mới được khuyến khích và phát triển đông lên, hiện nay có khoảng 3836 tín đồ thuộc 20 hội thánh.

Đạo Cao Đài truyền vào Đất Đỏ, Xuyên Mộc năm 1927, hiện có 20.076 tín đồ thuộc bốn hệ phái<sup>1</sup>; phái Cao Đài Tây Ninh, do một số tên phản động lũng đoạn, nên trong chiến tranh đã có những hành động chống cách mạng. Ngược lại, phái Ban Chính Đạo được Nhà nước ta tặng thưởng huân chương kháng chiến.

Đạo Ixiam chỉ có ảnh hưởng trong cộng đồng người Chăm đến sinh cơ lập trường từ năm 1971, ở ấp 4, xã Xuân Hưng, huyện Xuân Lộc.

Thực dân Pháp và đế quốc Mỹ luôn tìm cách chia rẽ lợi dụng tôn giáo để chống phá cách mạng. Nhưng với chính sách đoàn kết dân tộc, đoàn kết lương giáo trước sau như một, cách mạng vẫn thu hút được đông đảo tín đồ ủng hộ và tham gia kháng chiến.

Về thành phần dân cư, nông dân là thành phần có mặt lâu đời và đông đảo nhất. Trước cách mạng tháng Tám, Đồng Nai là vùng đất đang được khai phá. Hàng năm, có thêm nhiều người dân từ nơi khác đến đây lập nghiệp. Nhiều vùng đất hoang biến thành những mảnh ruộng rẫy tươi tốt thuộc quyền sở hữu của họ, một số đã trở thành trung nông. Đất đai màu mỡ, khí hậu ôn hoà khiến người nông dân sinh sống thuận lợi, ít người phải cầm cố ruộng cho địa chủ. Còn nếu bị mất đất về tay địa chủ, phú nông, họ có thể tìm đến mảnh đất khác trong tỉnh để khai phá, lập nghiệp lại từ đầu. Tầng lớp trên ở nông thôn đa số là địa chủ nhỏ và phú nông ít địa chủ lớn.

Nông dân Đồng Nai, với lòng yêu nước, vẫn một lòng đi theo cách mạng và là lực lượng chủ yếu cung cấp sức người sức của trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ.

Năm 1906, thực dân Pháp bắt đầu lập các đồn điền cao su ở Đồng Nai và tuyển mộ công nhân ở nhiều nơi trong nước tập trung về đây. Tầng lớp công nhân

---

<sup>1</sup> Bốn hệ phái Cao Đài:

- Phái Cao Đài Tây Ninh
- Phái Ban Chính Đạo
- Phái Cao Đài Tiên Thiên
- Phái Cao Đài Truyền Giáo Trung Việt.

cao su trong tỉnh ra đời từ đó. Đến 1930, tại tỉnh đã có 15.000 công nhân cao su. Họ xuất thân chủ yếu là những nông dân đã bị địa chủ, thực dân tước đoạt hết ruộng đất, cùng đường sinh sống phải đăng ký vào làm trong những đồn điền cao su. Cuộc đời của công nhân cao su “đi dễ, khó về”. Đói rét, bệnh tật, đòn roi của bọn chủ cai đã làm cho nhiều người gục ngã, xác của họ cùng với niềm mong ước được trở lại quê hương đã bị chôn vùi dưới những gốc cao su của bọn chủ Pháp.

Nổi cùng cực biến thành sự phản kháng. Tuy chỉ chiếm một tỷ lệ nhỏ so với dân cư trong tỉnh, công nhân cao su luôn đi đầu trong cáo phong trào đấu tranh cách mạng. Những cuộc bãi công, đình công, đấu tranh với chủ, có tiếng vang trong và ngoài tỉnh.

Bên cạnh công nhân cao su còn có công nhân làm việc trong các xưởng, nhà máy. Số công nhân này đông lên từ sau năm 1965. Họ là lực lượng nòng cốt lôi kéo theo một bộ phận khá đông tầng lớp tiểu tư sản, học sinh, sinh viên, giáo chức và dân nghèo thành thị vào những hoạt động cách mạng.

Ngoài ra, ở Đồng Nai còn có giai cấp tư sản. Trước năm 1954, giai cấp tư sản còn nhỏ bé (chủ yếu là Hoa Kiều). Sau năm 1954, giai cấp tư sản đông dần lên. Một số xuất thân từ những tên địa chủ, nhờ chính sách “cải cách điền địa” của Ngô Đình Diệm mà trở thành tư sản, một số “phất” lên nhờ chiến tranh. Giai cấp tư sản, đặc biệt tư sản mại bản là chỗ dựa của chủ nghĩa thực dân mới Mỹ.

Buổi bình minh của lịch sử Đồng Nai bắt đầu cách đây hàng ngàn năm. Những di chỉ khảo cổ tìm được ở Xuân Lộc và một số nơi khác trong tỉnh cho phép khẳng định nơi đây là một trong những vùng đất đã có người cổ đại sinh sống. Với một nền văn minh đặc sắc, tiêu biểu là bộ đàn đá Bình Đa, bộ qua đồng Long Giao.

Cho đến thế kỷ 16, 17, những người dân nghèo miền Bắc, miền Trung mới tìm đến lập nghiệp, đặt những nhát cuốc khai phá đầu tiên ở vùng Mô Xoài, Nông Nại. Những làng xóm của người Việt cùng người dân tộc bản địa (Chơro, Mạ, Xtiêng...) được lập nên, “sống hoà hợp với nhau, cư xử với nhau rất thẳng thắn thật thà”<sup>1</sup>.

Thế kỷ 18 và nửa đầu 19, dưới sự thống trị của triều đình nhà Nguyễn mục nát và lỗi thời, nước Việt Nam bị chìm đắm trong tối tăm, lạc hậu, trở thành một miếng mồi ngon cho thực dân Pháp đang rắp tâm chiếm đoạt.

---

<sup>1</sup> Giáo sĩ Ý Christoforo Bon nhận xét đầu thế kỷ 17 trong cuốn Relation Conchinchino

Tháng 9 năm 1858, tàu chiến Pháp nổ súng tấn công Đà Nẵng, mở màn cuộc chiến tranh xâm lược nước ta. Sau 5 tháng tiến công vào Đà Nẵng không kết quả, quân Pháp chuyển hướng, tấn công vào miền Đông Nam Bộ.

Không có quyết tâm chống xâm lược, triều đình Huế đã để cho giặc chiếm đóng tỉnh thành Gia Định, Định Tường. Tiếp đến ngày 16-12-1861, quân Pháp chiếm Biên Hoà và ngày 7-2-1862, chúng xuôi dòng Đồng Nai chiếm Bà Rịa.

Nhân dân đứng lên tổ chức lực lượng đánh Pháp. Trai tráng các làng gia nhập các đội nghĩa quân của Nguyễn Trung Trực, Trương Công Định, Quản Là, 74 thôn của ba huyện Bình An, Nghĩa An, Long Thành gần nơi Pháp đóng quân, nhân dân bỏ làng ra đi, không hợp tác với giặc... Tỉnh thành Biên Hoà bị giặc chiếm đóng nhưng khắp cả tỉnh, giặc chỉ có thể đóng quân được ở 4 nơi là thành Biên Hoà, Bà Rịa, Vũng Tàu và lỵ sở Thủ Dầu Một. Quân khởi nghĩa hoàn toàn kiểm soát đường Sài Gòn – Biên Hoà. Một cao trào kháng chiến dâng lên mạnh mẽ khắp vùng sông Đồng Nai, nhất là khi nhà Nguyễn cắt 3 tỉnh miền Đông cho Pháp. Trên mảnh đất Đồng Nai xuất hiện những chiến công đáng ghi nhớ của nghĩa quân Trương Công Định diệt gọn đồn Long Thành (17-12-1862); của nghĩa quân Kinh – Thương đã tiêu diệt bộ phận pháo dã chiến thuộc tiểu đoàn Cô-kê Pháp (1-1-1863) của một tốp nhỏ nghĩa quân đột nhập quận Long Thành, giết tên Trần Bá Hựu tay sai đắc lực của Pháp (2-1865)... Mặc dù vũ khí trong tay chỉ có giáo, mác, gậy tầm vông... mà phải đương đầu với “tàu to, súng lớn, đạn chì”, mặc dù nhà Nguyễn tiếp tay cho Pháp, các lực lượng nghĩa quân vẫn kiên trì chiến đấu nhiều năm sau. Tuy các cuộc khởi nghĩa đều thất bại, nhưng tinh thần yêu nước, chống Pháp còn sống mãi trong nhân dân Đồng Nai.

Đến đầu thế kỷ XX, phong trào chống Pháp lại tiếp diễn dưới hình thức “Hội kín”. Đó là các Hội kín của Đoàn Văn Cự ở Bình Đa (1905), của Phạm Văn Khoẻ ở Long Điền (Bà Rịa – 1916)... Một số “Hội kín” đã có những hàng động bạo lực vũ trang: tấn công trụ sở tề, giải thoát thanh niên bị bắt lính sang Pháp (nhóm Lâm Trung Trại ở Thiện Tân), phá khám Biên Hoà, bắn súng vào nhà tỉnh trưởng (nhóm Mười Sóc, Mười Tiết).

Các hoạt động vũ trang của “Hội kín” đã bị thực dân Pháp đàn áp dữ dội, các hoạt động khác của Hội không có ảnh hưởng rộng rãi trong quần chúng và dần dần bị tan vỡ. Nhưng ngọn lửa chống Pháp không hề bị dập tắt. Lòng yêu nước đã đưa nhiều thanh niên Đồng Nai đi đến với những tư tưởng mới để giải phóng quê hương. Năm 1925, ở Phú Mỹ (Bà Rịa) một tiểu tổ 3 đảng viên Tân Việt cách mạng Đảng lập

hội phổ thông lao động gồm 15 hội viên với mục đích giúp đỡ nhau thân ái và đọc sách báo tiến bộ. Từ những mục đích ban đầu ấy, các đảng viên Tân Việt đã dần dần hướng các hội viên đến những mục đích cao hơn: vì một quê hương tự do, vì những người nghèo khổ.

Từ những hạt giống đầu tiên ấy, đội ngũ đảng viên ngày càng tăng thêm, lôi cuốn đông đảo quần chúng bước vào một thời kỳ đấu tranh mới.

Năm 1930, hoà nhịp với phong trào Xô Viết Nghệ Tĩnh, tại Đồng Nai dâng lên một phong trào đấu tranh của công nhân các đồn điền cao su: Trảng Bom, An Lộc, Bình Lộc, Ông Quế, Bình Đa và công nhân nhà máy cưa Tân Mai BIF, thị trấn Tân Uyên... Nhân dân mít tinh mừng ngày 1-5, ngày Cách mạng tháng Mười Nga (7-11), rải truyền đơn. Công nhân đình công đòi tăng lương, đòi không phát gạo mỳ, cá thối.

Sau khi Đảng cộng sản Đông Dương ra đời, phong trào đấu tranh của nhân dân đã dấy lên mạnh mẽ, đã khiến cho thực dân Pháp lo sợ và đàn áp khốc liệt. Năm 1931, nhiều đảng viên và cơ sở cách mạng bị bắt, bị giết. Một không khí khủng bố bao trùm khắp nơi. Nhưng, một buổi sáng, ngày 14-7-1931, tại Long Điền – Đất Đỏ, đồng chí Hồ Tri Tân và các hội viên Châu Lễ, thị trấn Long Điền, nhà hội Long Nhung, nhà hội Chóp Mao, núi Long Hải<sup>1</sup>, và rải vô số truyền đơn ở nhiều nơi. Sự kiện này, đối với thực dân Pháp là một thách thức đáng gờm, đối với nhân dân là một sự cổ vũ, một niềm tin; khẳng định sức sống và tinh thần đấu tranh của những người cộng sản.

Bước sang năm 1933-1934, các cuộc bãi công của công nhân nổ ra ở công ty SHIP, ở các đồn điền cao su, đánh dấu sự phục hồi của các cơ sở Đảng và phong trào đấu tranh cách mạng của quần chúng năm 1934, chi bộ Cộng sản đầu tiên được thành lập: chi bộ Phước Hải. Năm 1935, thành lập chi bộ Bình Phước – Tân Triều.

Năm 1936, hưởng ứng phong trào Đông Dương, Đại hội do Đảng lãnh đạo, với nhiều hình thức công khai hợp pháp, các uỷ ban hành động hướng dẫn nhân dân vào các cuộc đấu tranh đòi nhà cầm quyền cho dân tự do đi lại làm ăn, bỏ thuế thân, giảm thuế môn bài, thuế xe ngựa, thuế chợ... đòi bọn chủ đồn điền, nhà máy tăng lương, giảm giờ làm, không được đánh máy tăng lương, giảm giờ làm, không được đánh đập cúp phạt lương của công nhân... Từ những quyền lợi dân sinh dân chủ,

---

<sup>1</sup> Tức núi Minh Đạm ngày nay.

các Ủy Ban hành động đã thu hút đông đảo quần chúng tham gia các cuộc đấu tranh cách mạng suốt trong những năm 1936-1939.

Năm 1937, Tỉnh ủy Biên Hoà và Ban chấp hành lâm thời Bà Rịa được thành lập. Sự lãnh đạo của Đảng càng được tập trung, thống nhất và chặt chẽ hơn.

Tháng 7-1940, để thực hiện chỉ thị khởi nghĩa của Xứ ủy Nam Kỳ, lực lượng vũ trang cách mạng đầu tiên trong tỉnh được bí mật xây dựng tại quận Châu Thành và Tân Uyên do đồng chí Huỳnh Liễn chỉ huy. Nhưng kế hoạch khởi nghĩa bị lộ. Sáng 24-11, thực dân Pháp đưa quân bao vây các xã Mỹ Lộc, Tân Hoà, Tân Tịch, Mỹ Quới, Tân Trạch, Biên Hoà... Chúng thẳng tay bắn giết nhân dân, bắt bớ nhiều đảng viên và quần chúng cách mạng. Các Tỉnh ủy Biên Hoà, Bà Rịa và nhiều chi bộ bị phá vỡ. Đồng chí Huỳnh Liễn hy sinh, nhưng một bộ phận lực lượng vũ trang đã kịp thời vào rừng<sup>1</sup>, tránh được sự đàn áp và tồn tại cho đến ngày cách mạng tháng Tám.

Cuộc khởi nghĩa không nổ ra, nhưng phong trào đấu tranh của nhân dân vẫn quyết liệt, đặc biệt là công nhân cao su. Tháng 12 năm 1940, hàng ngàn công nhân ở Dầu Giây, An Lộc, Bình Lộc, Túc Trưng, Cây Gáo, Hàng Gòn, Cam Tiên... đã phối hợp với nhau tổ chức hàng loạt cuộc đình công đòi ngày làm 8 giờ, nghỉ chủ nhật, không đánh đập cúp phạt, phụ mãn hạn công tra phải trả về xứ, không phát gạo mục, cá thối... Bọn chủ Pháp hoảng sợ phải cho lính tới đàn áp, nhiều công nhân bị bắn giết. Nhưng chỉ như đổ thêm dầu vào lửa, các cuộc đình công của công nhân vẫn tiếp tục. Chủ công ty Đất Đỏ đành phải nhượng bộ và thực hiện một số yêu sách. Tháng 11 năm 1941, công nhân sở Bình Lộc buộc tên xếp Ký phải quỳ xuống làm dấu thú tội, bao vây chặt tên chủ Pháp bắt y phải chấp nhận yêu sách của công nhân. Cũng tháng 11 năm 1941, tên xếp Louay ác ôn bị anh công nhân Lê Đình Cúc dùng dao cạo đâm chết ngay khi vừa trên xe bước xuống sân đồn điền Ông Quế... Với mức độ hết sức quyết liệt, các cuộc đấu tranh của công nhân cao su trở thành tiêu điểm cho phong trào cách mạng chung của nhân dân toàn tỉnh. Trong năm 1943-1944, ở Biên Hoà, Long Thành, Xuân Lộc phong trào có thêm những khẩu hiệu đấu tranh mới: “chống đi xâm, làm sân bay, kho tàng, căn cứ quân sự...” cho Pháp và Nhật.

Bước sang 1945, vượt qua khó khăn, cán bộ, đảng viên các tỉnh Biên Hoà, Bà Rịa đã kiên nhẫn khôi phục và xây dựng cơ sở chuẩn bị lực lượng.

---

<sup>1</sup> Lực lượng này do đồng chí Chín Quỳ chỉ huy

Ngày 9-3-1945, Nhật đảo chính Pháp. Một số thanh niên yêu nước và tiến bộ trong sở cao su của trường toà Nghiêm cướp súng của lính Pháp để tự trang bị cho mình. Ở đồn điền SHIP, Bình Sơn một tổ chức tự vệ chiến đấu được thành lập. Tổ chức Thanh niên Tiên Phong do Đảng nắm được lập ra, và đã nhanh chóng trở thành phong trào quần chúng rộng lớn trên khắp các địa bàn của tỉnh Biên Hoà và Bà Rịa. Các đội viên Thanh niên Tiên phong ngày đêm chuẩn bị vũ khí, luyện tập quân sự. Trong những ngày trước khởi nghĩa tháng Tám, một không khí sôi động bao trùm các huyện, xã.

Ngày 19-8-1945, Tổng khởi nghĩa ở thủ đô Hà Nội giành thắng lợi. Ngày 23-8-1945, chính quyền ở Huế về tay nhân dân. Riêng tại Nam Bộ, Xứ uỷ quyết định ngày 25-8 làm ngày khởi nghĩa ở các tỉnh. Ngày 25-8-1945, tổng khởi nghĩa nổ ra ở Sài Gòn. Từ chiều ngày 24-8 hàng ngàn nhân dân tỉnh Biên Hoà theo lệnh của Uỷ Ban khởi nghĩa đã kéo về Sài Gòn tham gia khởi nghĩa giành chính quyền.

Nhưng, trước hiệu lệnh chung một ngày, ngày 24-8, nhân dân quận Long Thành, với lực lượng nòng cốt là Thanh niên Tiên phong đã vùng lên cướp chính quyền, đó là địa phương khởi nghĩa đầu tiên trong toàn tỉnh. Tiếp đó, ngày 25-8 hàng chục ngàn quần chúng, có cả các đoàn công nhân cao su đi bộ mấy chục cây số kéo về cướp chính quyền ở Bà Rịa. Cùng ngày tỉnh trưởng bù nhìn Lê Thanh Long giao nộp chính quyền cho Uỷ Ban nhân dân cách mạng lâm thời Bà Rịa.

Tại Biên Hoà, ngày 23-8-1945, ta vận động được một số cảnh sát và lính gác công sở giao nộp súng cho ta. Ngày 24-8-1945, lực lượng cách mạng chiếm nhà máy cưa Tân Mai, ga Biên Hoà, sở Trường Tiền<sup>1</sup>. Ngày 26-8, tỉnh trưởng Nguyễn Văn Quý giao nộp chính quyền cho cách mạng, 30 khẩu súng được phân phát cho lực lượng thanh niên tiên phong kiểm soát các công sở, toà bố, kho bạc, sở cảnh sát... ngày 27-8, một cuộc mít tinh được tổ chức trước dinh tỉnh trưởng. Nhân dân thị xã và các vùng lân cận về đây đông nghịt cùng với một rừng cờ băng, khẩu hiệu để đón mừng chính quyền mới. Uỷ ban nhân dân lâm thời tỉnh Biên Hoà, do đồng chí Hoàng Minh Châu làm chủ tịch ra mắt đồng bào. Tiếp đó, nhân dân tuần hành biểu dương lực lượng qua các phố: dòng người vừa đi vừa hô khẩu hiệu và hát những bài hát cách mạng.

Độc lập, đó là niềm mong ước từ bao đời nay, là khát vọng mà vì nó, biết bao nhiêu con người quả cảm của đất Đồng Nai đã phải đổi cả cuộc đời để giành lại. Ách đô hộ của thực dân Pháp, của quân phiệt Nhật đã bị lật nhào. Chính quyền thuộc về

---

<sup>1</sup> Nay là xưởng đại tu ô tô (thuộc Sở giao thông vận tải Đồng Nai)



nhân dân. Người Đồng Nai cùng cả nước bước vào một thời kỳ lịch sử mới: kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

## **CHƯƠNG MỘT**

### **NĂM ĐẦU KHÁNG CHIẾN (9-1945 – 12-1946)**

#### **I. GẤP RÚT CHUẨN BỊ, XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG, ĐÁNH QUÂN PHÁP XÂM LƯỢC.**

Cách mạng tháng Tám thành công. Ngày 2-9-1945 tại Quảng trường Ba Đình, Hà Nội, Hồ Chủ tịch đọc bản tuyên ngôn độc lập, tuyên bố nước Việt Nam Dân chủ Cộng Hoà ra đời.

Vừa giành được chính quyền, nhân dân Việt Nam lập tức phải đương đầu với nhiều kẻ thù nguy hiểm. Theo nghị quyết Hội nghị Pốt-đam tháng 7 năm 1945, bọn Tưởng vào miền Bắc, bọn Anh vào miền Nam giải giáp quân đội Nhật. Lợi dụng cơ hội Nhật đầu hàng Đồng Minh, Pháp đặt ngay kế hoạch chiếm lại Đông Dương.

Hiểu rõ âm mưu thâm độc của kẻ thù, dã tâm của từng tên đế quốc và phản động, “tránh cái trường hợp một mình đối phó với nhiều lực lượng Đồng Minh (Trung Quốc, Anh, Pháp, Mỹ) tràn vào nước ta”, ngay từ giữa tháng 8 năm 1945, Hội nghị toàn quốc của Đảng họp ở Tân Trào đã đề ra chủ trương, sách lược đối với từng tên và quyết định chia mũi nhọn đấu tranh vào kẻ thù chủ yếu của dân tộc là bọn thực dân Pháp xâm lược.

Cuối tháng 8, gần 20 vạn quân Tưởng vượt biên giới vào miền Bắc. Ngày 12-9, một lữ đoàn quân đội Hoàng Gia đến nước ta. Bám gót quân Anh, một đại đội quân Pháp thuộc trung đoàn bộ binh thuộc địa số 5 (5c Ric) đổ bộ lên cảng Sài Gòn.

Ngày 8-9-1945, Hồ Chủ tịch ra Lời kêu gọi quốc dân, Người nói: “Nhân dân Việt Nam hoan nghênh quân Đồng Minh kéo vào Việt Nam để tước khi giới quân Nhật. Nhưng kiên quyết phản đối quân Pháp kéo vào Việt Nam, vì mục đích của họ chỉ là hãm dân tộc Việt Nam vào vòng nô lệ một lần nữa.

Hỡi đồng bào! Hiện một số quân Pháp đã lọt vào nước ta. Đồng bào hãy sẵn sàng đợi lệnh Chính phủ để chiến đấu”<sup>1</sup>.

Ngày 23-9, quân Pháp được quân Anh, quân Nhật yểm trợ nổ súng đánh chiếm Sài Gòn, mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược nước ta lần thứ hai.

Đêm 23 tháng 9, Xứ uỷ Nam Bộ đã họp Hội nghị mở rộng khẩn cấp tại phố Cây Mai (Chợ Lớn). Đồng chí Hoàng Quốc Việt thay mặt Thường vụ trung ương Đảng tham dự. Sôi sục lời thề của tuyên ngôn độc lập “quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do và độc lập...”. Hội nghị chủ trương: kiên quyết phát động toàn dân kháng chiến chống xâm lược.

Hồ Chủ tịch, Thường vụ trung ương Đảng nhất trí với quyết tâm của Xứ uỷ và kêu gọi cả nước chi viện sức người, sức của cho Nam Bộ: “Phải trút toàn lực vào đó. Hy sinh hết thảy vì kháng chiến, hy sinh hết thảy vì mặt trận miền Nam”<sup>2</sup>.

Thực hiện chủ trương kháng chiến của Trung ương Đảng, Chính phủ và nghị quyết Xứ uỷ Nam Bộ, nhân dân Nam Bộ đã nhất tề đứng lên mở đầu cuộc kháng chiến của nhân dân ta chống thực dân Pháp xâm lược.

Cả nước căm phẫn trước hành động xâm lược của thực dân. Cả nước hướng về tiền tuyến miền Nam. Những chi đội quân Nam Tiến được thành lập để lên đường vào Nam diệt giặc.

Đêm 23-9, nhân dân Sài Gòn – Chợ Lớn triệt để thực hiện lệnh bãi công, bãi chợ, bãi học, cắt điện, bắt hợp tác với giặc. Các chiến lũy được lập trên đường phố để cản bước tiến của địch. Quân dân Sài Gòn – Chợ Lớn đã chiến đấu ngoan cường, liên tục tiến công vây hãm trong thành phố, làm cho bọn Anh, bọn Pháp làm vào tình trạng khốn đốn.

Biên Hoà, Bà Rịa là cửa ngõ quan trọng của Sài Gòn. Chiến tranh sớm muộn sẽ lan đến. Ngay từ sau cách mạng tháng Tám, công việc chuẩn bị kháng chiến đã được tiến hành rất khẩn trương.

Cuối tháng 9 năm 1945, tại Biên Hoà, đồng chí Hà Huy Giáp đại diện Xứ uỷ Nam Bộ đã triệu tập hội nghị cán bộ toàn tỉnh họp tại nhà hội Bình Trước (thị xã Biên Hoà). Hội nghị đã bầu Tỉnh uỷ lâm thời và đề ra vấn đề xây dựng mặt trận Việt Nam, kiện toàn bộ máy chính quyền các cấp, gấp rút xây dựng lực lượng vũ trang để bước vào kháng chiến.

---

<sup>1</sup> Trích “Những sự kiện lịch sử Đảng” tập II (1945-1954) NXB. Sự thật 1979, trang 24.

<sup>2</sup> Trích “Những sự kiện lịch sử Đảng” tập II (1945-1954) NXB. Sự thật 1979, trang 29.

Thực hiện nghị quyết của Tỉnh uỷ lâm thời, trại huấn luyện du kích Bình Đa – Vĩnh Cửu được thành lập, do đồng chí Phan Đình Công phụ trách. Tham gia giảng dạy có các đồng chí Phạm Thiều, Xuân Diệu... Học viên khoá đầu tiên gồm tự vệ công nhân hăng cưa BIF, tự vệ vùng Bình Đa – Vĩnh Cửu và thanh niên cứu quốc quân Châu Thành. Trong thời gian gấp rút, trường đã mở được hai khoá (mỗi khoá nửa tháng), đào tạo cán bộ chỉ huy đánh du kích với phân đội nhỏ<sup>1</sup>.

Trại huấn luyện du kích Bình Đa là tiền thân các trường quân chính của tỉnh sau này. Trại đã kịp thời đào tạo một số cán bộ tiểu đội trung đội cho lực lượng vũ trang cách mạng đầu tiên của tỉnh. Nhiều đồng chí được đào tạo ở đây qua chiến đấu đã trưởng thành nhanh chóng và giữ vai trò nòng cốt trong việc phát triển lực lượng vũ trang của cả hai tỉnh Biên Hoà và Bà Rịa suốt chín năm chống Pháp.

Vừa huấn luyện vừa chiến đấu, tháng 10-1945, trại đã cử một phân đội phối hợp cùng bộ đội Nam Tiến, do đồng chí Nam Long chỉ huy, đánh địch tại cầu Bình Lợi, ngăn chặn giặc lên chiếm.

Song song với việc thành lập Trại du kích, tại các quận, dưới sự lãnh đạo của các Quận uỷ, các đội vũ trang địa phương cũng được hình thành. Tại quận Châu Thành, đơn vị vũ trang tập trung mang tên quân giải phóng gồm 5 tiểu đội có 30 súng trường các loại. Quận uỷ Châu Thành còn thành lập đội Xung phong cảm tử khoảng 30 thiếu niên từ 13 đến 16 tuổi do đồng chí Nguyễn Văn Ký chỉ huy. Đội này có nhiệm vụ nắm tình hình địch, quấy rối, diệt tề trừ gian trong thị xã.

Ở Long Thành, ta đã xây dựng được 3 phân đội, phần lớn là công nhân các sở cao su Bình Sơn, Hê Lê Na, nòng cốt là những cán bộ 12 người của trại du kích Bình Đa – Vĩnh Cửu. Đơn vị trang bị 8 khẩu súng thu của lính mã tà và hương quân. Đến tháng 10, thêm lực lượng tự vệ chiến đấu với 18 khẩu súng ở Thành Tuy Hạ về hợp nhất, quân giải phóng Long Thành phát triển thành 4 phân đội.

Ở Xuân Lộc, lực lượng vũ trang tập trung có khoảng 30 chiến sĩ và 20 cây súng.

Tại Tân Uyên lực lượng vũ trang gồm 4 phân đội do đồng chí Huỳnh Văn Nghệ chỉ huy lấy tên là quân giải phóng Biên Hoà. Lực lượng này gồm: đội vũ trang của đồng chí Chín Quý (17 người), một phân đội (gồm lực lượng công nhân hàng hải) do đồng chí Đào Văn Quang đưa từ Sài Gòn lên; thanh niên tự vệ chiến đấu Tân Uyên và các học viên của trại huấn luyện du kích sở Tiêu. Nhân dân vùng Tân Uyên quen

---

<sup>1</sup> Khoá thứ hai đang huấn luyện thì quân Nhật vào khiêu khích, trại phải chuyển lên sở Tiêu – Đát Cước (Tân Uyên)

gọi là: bộ đội Tám Nghệ. Mỗi phân đội có từ 12 đến 15 tay súng, số còn lại trang bị mã tấu, dao găm, lựu đạn.

Cùng với việc khẩn trương xây dựng lực lượng vũ trang. Ủy ban nhân dân tỉnh đã tập trung tuyên truyền, giải thích và kêu gọi các giới đồng bào bất hợp tác với giặc, thành lập các đội phá hoại để thực hiện “tiêu thổ kháng chiến” khi giặc Pháp tiến lên Biên Hoà.

Cuối tháng 10-1945, có quân tăng viện từ Pháp sang, lại được quân Anh, quân Nhật phối hợp, có hỏa lực mạnh hơn ta nhiều lần, giặc Pháp phá vỡ vòng vây ở Sài Gòn – Chợ Lớn.

Không để tài sản nhân dân rơi vào giặc, Tỉnh ủy lâm thời, Ủy ban nhân dân tỉnh ra lệnh tiêu thổ kháng chiến. Nhân dân thị xã được hướng dẫn tản cư ra vùng nông thôn. Công nhân hãng của BIF đốt sạch số gỗ súc, tháo gỡ toàn bộ máy móc đem cất giấu. Công nhân cao su ở Châu Thành, Xuân Lộc, Long Thành, đốt các bánh mủ (Crêpe), phá huỷ các kho, xưởng máy, đánh sập các khu nhà xây kiên cố để giặc không thể sử dụng đóng đồn, bót khi tới chiếm. Các đội công tác đánh sập cầu, chặt cây, phá đường ngăn cản giặc.

Ngày 25 tháng 10 năm 1945, quân Pháp đánh chiếm Biên Hoà. Thị xã như một thành phố chết. Xe cộ ngừng chạy đường sá vắng tanh. Nhà nhà cửa đóng im ỉm. Chợ búa không họp. Điện nước không có. Giặc trơ trọi như ở giữa bãi tha ma.

Các cơ quan của Ủy ban nhân dân, Ủy ban mặt trận Việt Minh tỉnh rút lên Tân Định, Tân Uyên để bảo toàn lực lượng xây dựng căn cứ kháng chiến lâu dài. Riêng các cơ quan của quận Châu Thành lui về Bình Ý và Bến Gỗ.

Ngày 27 tháng 10, giặc Pháp đánh lên Trảng Bom, Dầu Giây, chiếm ngã ba quốc lộ 1 và quốc lộ 20.

Ngày 30 tháng 10, có quân Anh dẫn đường, giặc Pháp tiến về Xuân Lộc. Bộ đội Nam Tiến đã chặn đánh địch quyết liệt ở núi Thị, Bình Lộc và thị trấn Xuân Lộc. Tại núi Thị, địch không tiến được phải dùng quân Nhật hộ tống tìm đường vòng để đi. Trong các trận chiến đấu ở thị trấn Xuân Lộc và Bình Lộc, bộ đội ta bị tiêu hao vì đánh theo lối dàn trận.

Để chỉ đạo cuộc kháng chiến ngày một lan rộng, ngày 25-10, Xứ ủy Nam Bộ đã triệu tập hội nghị cán bộ Đảng bộ Nam Bộ tại Thiên Hộ, huyện Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho. Hội nghị đã kiểm điểm tình hình, rút kinh nghiệm cuộc kháng chiến từ hội nghị Cây Mai (23-9) và đề ra một số chủ trương cấp bách: “Củng cố và xây dựng các lực

lượng vũ trang, đặt nó dưới sự lãnh đạo trực tiếp và tuyệt đối của Đảng, phát triển chiến tranh nhân dân rộng khắp: thành lập Ủy ban kháng chiến; tổ chức các quân khu; củng cố các lực lượng làm công tác trừ gian; xây dựng cơ sở bí mật trong thành phố, thị xã bị địch chiếm đóng, khôi phục lại chính quyền ở những nơi bị tan rã”<sup>1</sup>.

Đầu tháng 11-1945, quân giặc toả ra đánh chiếm các vùng phụ cận thị xã Biên Hoà. Các cơ quan của quận Châu Thành vẫn đứng chân ở Bình Ý. Theo chỉ đạo của Quận uỷ, đội Xung phong cảm tử nhiều lần mưu trí theo xe ô tô, xe ngựa đột nhập chợ Biên Hoà, diệt một số tên Việt gian mới lộ đầu ra như Bảy Thống, Ba Lê... Đội cũng đã đánh nhiều trận ở vườn Mít và những nơi địch thường tụ tập bằng lựu đạn và súng lục. Nhiều em như Phát, Mạnh, Chầy đã chiến đấu rất dũng cảm và hy sinh oanh liệt.

Hoạt động của đội thiếu niên Xung phong cảm tử trong những ngày đầu giặc mới chiếm đóng thị xã Biên Hoà đã cổ vũ rất lớn tinh thần kháng chiến của đồng bào Châu Thành. Quân địch cũng phải kiêng dè và thận trọng trong việc nống lán ra các khu vực xung quanh thị xã. Nhờ vậy ta có đủ thời gian để điều lực lượng quân giải phóng Châu Thành lúc ấy đang đóng ở Thiện Tân và một phân đội quân giải phóng Biên Hoà (bộ đội Tám Nghệ) về vùng Bình Ý, Cây Đào để chặn giặc.

Trong thời gian này, quân Pháp đánh chiếm các tỉnh miền Trung và Tây Nam Bộ. Ở miền Đông Nam Bộ, ngày 8 tháng 11, chúng chiếm Tây Ninh. Ngày 12 tháng 11, chúng tiếp tục đánh chiếm vùng cao su Hớn Quản, Lộc Ninh và ngày 13 tháng 11, chúng đã chiếm được Bù Đốp. Sau đó, chúng tiến lên vùng ba biên giới (ngã ba Đông Dương) và Buôn Ma Thuột.

Giữa tháng 11 năm 1945, đồng chí Nguyễn Bình được Trung ương cử vào phụ trách quân sự ở Nam Bộ. Ngày 20-11, đồng chí đã triệu tập hội nghị An Phú xã để thống nhất các lực lượng vũ trang, thống nhất chỉ huy các đơn vị bộ đội.

Cuối tháng 11 năm 1945, Đảng Cộng sản Đông Dương tuyên bố tự giải tán. Tỉnh uỷ lâm thời Biên Hoà chưa nắm được thực chất vấn đề là Đảng rút vào hoạt động bí mật nên đã tự giải thể. Các đảng viên (khoảng vài chục đồng chí) từ đó chỉ còn dựa vào nghị quyết hội nghị Bình Trước mà tự động công tác, thiếu sự lãnh đạo tập trung thống nhất trong toàn tỉnh.

Trong lúc tình hình đang diễn biến khó khăn, sự kiện lịch sử này đã tăng thêm khó khăn gấp bội trong những ngày đầu kháng chiến ở chiến trường Biên Hoà.

---

<sup>1</sup> Những sự kiện lịch sử Đảng tập II. NXB. Sự thật 1978, trang 34.

Lúc này, Bà Rịa – Vũng Tàu, giặc chưa chiếm mà tình hình lại khá rối ren. Một số đảng viên cũ đang hoạt động tích cực để chuẩn bị kháng chiến, song chưa bầu được Tỉnh uỷ, nên thiếu sự lãnh đạo thông suốt từ trên xuống dưới. Trong lúc đó đám thân binh Hiền – Tân thuộc đệ nhất sư đoàn Cộng hoà vệ binh tan rã từ mặt trận Sài Gòn đã kéo về thị xã Bà Rịa từ tháng 10 và đang biến thành thổ phỉ quấy nhiễu, khủng bố, cướp bóc nhân dân.

Chúng dở đủ trò hạch sách, lấn lướt và o ép chính quyền cách mạng non trẻ của ta. Ủy trưởng quân sự Dương Văn Xá quá ấu trĩ đã giao nộp toàn bộ số vũ khí gần 300 khẩu súng các loại cho chúng. Ủy trưởng tài chính Nguyễn Văn Phải bị lực lượng Hiền - Tân bao vây nhà, bắt phải đưa số vàng mà trước đó nhân dân Bà Rịa đã đóng góp trong “tuần lễ vàng”. Không thể làm theo ý chúng, Nguyễn Văn Phải đã trốn chạy sang tận Cần Giờ. Bọn cơ hội và tay sai cũ của Pháp như Lê Văn Huè, Chủ tịch Ủy ban nhân dân lâm thời Bà Rịa – thì ngăn cản việc thực hiện chủ trương tiêu thổ kháng chiến.

Giữa lúc tình hình phức tạp như vậy, một số đội vũ trang hình thành tự phát sau cách mạng tháng Tám như đội của Mười Công (Tỷ), Quang, Thảo... hoặc của Năm Châu (Ngà) từ khi mặt trận Sài Gòn bị vỡ kéo về đều trở nên chệnh vênh, lè loi, không biết dựa vào tổ chức lãnh đạo nào để hành động. Các đơn vị này sau đó đã bỏ ra Bình Thuận.

Tháng 11-1945, Xứ uỷ cử các đồng chí Trần Xuân Độ, Nguyễn Văn Phúc... về tăng cường cho Bà Rịa – Vũng Tàu.

Đồng chí Trần Xuân Độ cùng với các đồng chí địa phương như đồng chí Hồ Sĩ Nam, Võ Văn Thiết đã gấp rút thành lập Ban vận động xây dựng Ủy ban mặt trận Việt Minh tỉnh Bà Rịa do đồng chí Bùi Công Minh làm trưởng ban. Đây là công tác chủ yếu quan trọng hàng đầu mà các đồng chí ở Bà Rịa – Vũng Tàu đã dồn sức hoạt động. Cán bộ được phân công xuống các quận xã tích cực tuyên truyền vận động tổ chức quần chúng đứng vào hàng ngũ của mặt trận Việt Minh để cùng nhau đánh đuổi giặc Pháp, giữ vững quyền tự do, độc lập. Hai quận được chú trọng là Long Điền và Đất Đỏ. Ban vận động cũng ra sức chuẩn bị mở các lớp huấn luyện đào tạo cán bộ Việt Minh tại Long Mỹ để nhanh chóng có lực lượng nòng cốt tỏa về các quận, xã lãnh đạo các đoàn thể Cứu quốc.

Bọn Hiền – Tân đã tìm cách bắt được đồng chí Trần Xuân Độ và chúng định ám hại đồng chí. Chúng càng huênh hoang, lộng hành hơn trước, võ ngược tự xưng là “lực lượng cách mạng”. Chúng bắt bớ bất kỳ ai chống lại, thậm chí trắng trợn giết

người phơi xác và cắm đồng bào chôn cất. Nhân dân Bà Rịa rất căm phẫn. Anh Tập, một công nhân quê ở Hải Phòng, một chiến sĩ trong bộ đội Hiền – Tân đã biết rõ đồng chí Trần Xuân Độ là cán bộ cách mạng, không sợ bọn Hiền – Tân trả thù, đêm đến đã bí mật giải thoát cho đồng chí.

Thoát khỏi nanh vuốt bọn thổ phỉ, đồng chí Trần Xuân Độ lại trở về Long Mỹ, bàn bạc với các đồng chí ở địa phương xây dựng Long Mỹ thành căn cứ, nơi đứng chân vững chắc để lãnh đạo kháng chiến. Đồng chí chỉ rõ phải tiếp tục đẩy mạnh việc xây dựng cơ sở ở Việt Minh, xây dựng lực lượng tự vệ chiến đấu, nhanh chóng nắm lấy những đơn vị vũ trang nhỏ, lẻ còn ở các xã, tổ chức thành những đội vũ trang tuyên truyền để yểm trợ và bảo vệ cho cán bộ Việt Minh hoạt động, phát động quần chúng đứng lên kháng chiến.

Ngày 5 tháng 12, có thêm viện binh, Pháp đánh chiếm Buôn Ma Thuột. Ngày 10-12, đồng chí Hoàng Quốc Việt thay mặt Trung ương Đảng triệu tập hội nghị Đức Hoà. Tại Hội nghị này, Nam Bộ được chia làm 3 khu: Khu 7, Khu 8, Khu 9. Khu 7 bao gồm các tỉnh miền Đông: Sài Gòn, Chợ Lớn, Gia Định, Biên Hoà, Thủ Dầu Một, Bà Rịa, Tây Ninh. Đồng chí Nguyễn Bình được cử giữ chức tư lệnh khu 7. Bộ tư lệnh Khu chuyển về đóng tại Tân Uyên. Đồng chí Huỳnh Văn Nghệ được chỉ định giữ chức chỉ huy trưởng Vệ quốc đoàn Biên Hoà, Tân Uyên – một thị trấn phía bắc tỉnh Biên Hoà – giờ đây đã thực sự trở thành trung tâm kháng chiến của cả miền Đông Nam Bộ.

Tân Uyên vốn là đất rừng, địa thế khá hiểm yếu; có sông Đồng Nai và sông Bé bao bọc nối liền với Xuân Lộc và một lưng dựa là dải rừng mênh mông trải dài lên tận Mã Đà, Đường 14. Dân cư thưa thớt và sống chủ yếu bằng nghề trồng mía, làm đường và khai thác gỗ. Tân Uyên lại cách Sài Gòn không xa, cách thị xã Biên Hoà khoảng 15 km đường chim bay; nó có thể nối sang cả đông lẫn tây, khi cần có thể tạm rút lên hướng bắc. Với một địa bàn chiến lược lợi hại như vậy, Tân Uyên được chọn làm nơi xây dựng căn cứ để kháng chiến lâu dài.

Tranh thủ thời gian Tân Uyên còn yên tĩnh, các Ủy ban quận, xã mới được xây dựng, ra sức củng cố tổ chức và hoạt động. Các đoàn thể yêu nước có bước phát triển khá. Nhân dân Tân Uyên và các quận xung quanh đã nuôi dưỡng, tiếp tế cho Vệ quốc đoàn, cho cán bộ Việt Minh, động viên con em mình vào du kích hoặc tình nguyện đầu quân giết giặc, tham gia các đội phá hoại cầu đường, làm thông tin liên lạc, đi vận tải... bất cứ việc lớn, việc nhỏ gì mà Việt Minh huy động là bà con bỏ ngay việc nhà, có mặt liền ở nơi tụ tập, sẵn sàng gánh vác nhiệm vụ được phân công.

Lòng yêu nước nồng nàn và tình cảm sâu đậm đó của đồng bào với cách mạng với kháng chiến đã giúp bộ đội, cán bộ và các cơ quan vượt qua khó khăn trong buổi đầu chống giặc.

Có căn cứ đứng chân vững chắc, tiến có thể đánh, lui có thể giữ, Khu trưởng Khu 7 liên lạc với bộ đội Ba Dương (Dương Văn Dương), bàn bạc với đồng chí Tám Nghệ chỉ huy trưởng bộ đội Biên Hoà và đã quyết định tập trung lực lượng lớn tập kích thị xã Biên Hoà. Bộ đội Ba Dương sau khi mặt trận bao vây Sài Gòn bị vỡ đã về đứng chân ở Bàu Bông, Vũng Gấm thuộc xã Phước An huyện Long Thành. Lực lượng này có số quân đông, có tinh thần chiến đấu. Nhiều chiến sĩ tự vệ tổng công đoàn Nam Bộ trong khi rút khỏi Sài Gòn bị tản lạc cũng đã gia nhập bộ đội này.

Theo kế hoạch chiến đấu, bộ đội Ba Dương (có một trung đội củ Mai Văn Vĩnh) gồm 10 phân đội từ Long Thành dời lên Bến Gỗ (Long Bình Tân ngày nay), theo đường 15 qua ngã ba Kỷ Niệm, chia thành nhiều mũi chọc thẳng vào trung tâm thị xã. Vệ quốc đoàn Biên Hoà với 2 phân đội do đồng chí Huỳnh Văn Nghệ trực tiếp chỉ huy bố trí tại ngã ba Dốc Sỏi, đường từ thị xã ra Tân Phong. Một số đơn vị bạn do đồng chí Nguyễn Bứa chỉ huy, được bố trí ở ngã ba Bình Thạnh – Cây Đào để ngăn chặn địch phản kích. Cuộc tiến công được chọn vào đêm tết dương lịch.

0 giờ ngày 2 tháng giêng năm 1946, lực lượng ta bí mật luồn vào thành phố an toàn. Quân giặc không hề hay biết. Bộ đội ta đã tiến công vào các trạm gác, công sở, nhà lao, đầu cầu... làm chủ các đường phố. Tiếng súng, tiếng lựu đạn nổ vang rền. Quân giặc cố thủ trong thành Xăng Đá bắn ra. Chợ và một số nhà xung quanh bốc lửa cháy. Tuy ta không diệt được nhiều giặc nhưng tiếng vang của trận đánh bất ngờ và táo bạo này đã nhanh chóng dội về Sài Gòn và tận các tỉnh miền Tây Nam Bộ. Báo và đài Sài Gòn phải thừa nhận: “Đêm 01 rạng 02 tháng giêng, quân kháng chiến Việt Minh đã đột nhập thị xã Biên Hoà và nổ súng”... Lời thú nhận này, tự nó đã bác bỏ ý đồ chiến lược của Lơ-cờ-léc: “sẽ chấm dứt công việc bình định Nam Kỳ trong vòng 3 tháng”.

Tiếng súng trận tập kích thị xã đã cổ vũ các thanh niên yêu nước từ các sở Cao su, thành phố Sài Gòn – Chợ Lớn đến các tỉnh miền Hậu Giang xa xôi và đã có một số thanh niên tìm về Tân Uyên gia nhập Vệ quốc đoàn Biên Hoà. Trong số đó có Đinh Quang Ân, Bùi Cát Vũ, Đặng Sĩ Hùng, Võ Văn Mến, Trần Văn Xã... Trận tiến công vào thị xã Biên Hoà đánh dấu một bước trưởng thành của lực lượng vũ trang miền Đông về mặt lãnh đạo và chỉ huy tập trung, thống nhất.



Trong trận đánh này có một số chiến sĩ ta bị thương được đưa về đình Tân Nhuận (Tân Uyên) cứu chữa. Phương tiện, thuốc men đều thiếu. Có đồng chí phải cưa tay bằng cưa thợ mộc, không có thuốc tê, thuốc gây mê vẫn cắn răng chịu đựng. Và trong cơn đau buốt óc, chiến sĩ ta bật lên tiếng hát khiến mọi người thêm mến phục.

Giữa không khí rạo rục của chiến thắng thị xã Biên Hoà, ngày 6 tháng 1 năm 1946, Ủy ban nhân dân và Ủy ban mặt trận Việt Minh tỉnh Biên Hoà đã tổ chức khắp các địa phương cuộc bầu cử Quốc hội lần thứ nhất. Tân Uyên là khu vực bỏ phiếu có số cử tri đông nhất. Các phòng bỏ phiếu được chăng đèn, kết hoa rực rỡ. Cờ Tổ quốc, ảnh Bác Hồ được đặt nơi trang trọng. Nhân dân, cán bộ, bộ đội, tấp nập đi bầu cử. Các đại biểu: Hoàng Minh Châu (Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh), Phạm Văn Búng và Điểu Xiển (người dân tộc Choro ở Xuân Lộc) trúng cử.

Ở Bà Rịa, cuộc bầu cử cũng được tiến hành rộng rãi ở khắp các xã. Đại biểu của Bà Rịa, đồng chí Dương Bạch Mai đã trúng cử. Cũng như trên cả nước, đây là lần đầu tiên, công dân Biên Hoà và Bà Rịa được thực hiện quyền dân chủ thiêng liêng nhất của mình. Trong lúc giặc Pháp đang mở rộng chiếm đóng, các thế lực phản động ra sức phá hoại, nhân dân vẫn sôi nổi hăng hái đi bầu cử, đã nói lên sức mạnh của chế độ mới, nói lên lòng yêu nước tình cảm gắn bó và tin cậy của các tầng lớp nhân dân với chính quyền cách mạng.

Cuối tháng 1 năm 1946, Pháp mở cuộc hành quân đánh ra các tỉnh cực nam Trung Bộ. Ngày 25 tháng 1 năm 1946, đoàn xe cơ giới của giặc xuất phát từ Biên Hoà tiến theo đường số 1 lên hướng Xuân Lộc. Đồng thời địch đã huy động 4.000 quân của khu miền Đông cùng một lúc mở ba mũi tấn công vào chiến khu Tân Uyên nhằm cầm chân quân ta và bảo đảm an toàn cho đoàn xe cơ giới. Chúng cũng có ý định sau trận này sẽ lấn lên chiếm đóng sâu hơn, trực tiếp uy hiếp chiến khu Tân Uyên của ta.

Trước đó ba ngày (ngày 20 và 21), tàu giặc vừa thăm dò đường sông vừa bắn phá bừa bãi các xã ven sông nên ta đã đoán được ý đồ của chúng. Tân Uyên được lệnh tiêu thổ. Thị trấn, chợ Tân Uyên bị đốt cháy. Dân quân các xã ngã thêm cây chặn đường. Các đội phá hoại đánh sập cầu, đầy xác cầu đổ chướng lòng rạch. Các cơ quan lãnh đạo kháng chiến của tỉnh và quận tạm thời di chuyển đi nơi khác tránh giặc. Các phân đội Vệ quốc đoàn cùng với du kích xã vạch kế hoạch đánh địch. Nhân dân thực hiện “vườn không nhà trống” thực hiện 3 không: không nghe, không thấy, không biết, giữ gìn bí mật cho cơ quan và bộ đội.

Công tác chuẩn bị chiến đấu xong xuôi. Sáng ngày 25 tháng 1 năm 1946, mũi tiến quân của giặc từ Tân Phong lên, lập tức vị phân đội 4 chặn lại ở giếng Mội (Bình Thạnh). Trận đánh kéo dài đến 11 giờ trưa. Ở phía lộ 24, phân đội Vệ quốc đoàn Châu Thành do đồng chí Lê Văn Ngọc chỉ huy đã phục kích sẵn tại cầu Rạch Cốc. Ta đánh địch từ sáng đến trưa. Sau khi tiêu diệt một bộ phận quân địch, giết chết tên quan ba, để bảo toàn lực lượng ta rút lui.

Các phân đội Vệ quốc đoàn Biên Hoà sau khi đánh địch ở thị trấn đã rút vào Tân Nhuận rồi vòng về xóm Đền Tân Hoà, phục kích đánh cánh quân địch từ Mỹ Lộc quay về Tân Uyên. Lúc này đã hơn 4 giờ chiều. Ngày 25 tháng 1 quân ta bố trí sát mé rừng... chỗ cao hơn mặt đường và gần các cây cầu đã bị phá hoại. Một bộ phận quân địch vừa lờ mờ tìm cách qua cầu, sau một loạt tiếng súng nổ, quân ta nhảy xuống mặt đường dùng gươm, mã tấu, gậy tầm vông đánh xáp lá cà với giặc. Tiểu đội du kích Tân Hoà khua phèng la, đập thùng thiếc giả làm tiếng súng máy uy hiếp tinh thần địch. Khẩu trung liên của ta bắn quét, chặn số quân địch còn lại không cho chúng qua cầu. Quân địch bị đẩy dồn về phía bờ sông, vướng cầu không tháo lui được. Chiến sĩ ta lao ra dùng mã tấu làm cho chúng khiếp đảm, rối loạn hàng ngũ, nhiều tên xin hàng. Lần đầu tiên ta bắt sống tù binh Pháp, bộ đội ta diệt gọn một phân đội địch thu được nhiều súng, có cả trung liên, tiểu liên và súng cối 60 ly.

Trận Xóm Đền là một trận đánh táo bạo, mưu trí của lực lượng vũ trang Biên Hoà. Cán bộ chỉ huy đã phán đoán đúng đường lui quân của giặc, biết lợi dụng địa hình, khéo kết hợp với nghi binh sử dụng cách đánh gần, xung phong mạnh khiến cho quân địch có số lượng đông, vũ khí hiện đại mà không kịp trở tay.

Như vậy là, cuộc tấn công đầu tiên của quân Pháp vào chiến khu Tân Uyên với mục đích tiêu diệt quân du kích và cơ quan đầu não kháng chiến của ta bị thất bại hoàn toàn.

Ngày 26 tháng 1 năm 1946, trên 1000 quân Pháp đánh chiếm thị trấn Xuân Lộc và các đồn điền cao su quan trọng. Nhờ có xe bọc thép và hoả lực mạnh, quân địch đã chọc thủng tuyến phòng ngự của ta ở An Lộc, Suối Tre, Xuân Lộc. Bộ đội ta lui về tuyến Tân Phong – Hàng Gòn chiến đấu ròng rã suốt ba ngày đêm, nhưng thế giặc mạnh, bộ đội Nam Tiến phải rút về khu vực La Ngà. Tiếp đó quân Pháp theo lên tiến công vào căn cứ của quận, lực lượng vũ trang Xuân Lộc do viên đội cũ Chế Đình Đạo chỉ huy – tuy còn được 20 cây súng và gần 30 chiến sĩ cũng chạy luôn ra Bình Thuận.

Cùng ngày, giặc Pháp theo đường 15 đánh chiếm quận lỵ Long Thành. Chúng chiếm đóng luôn Phước Thiện, sở cao su Hê Lê Na, sở cao su Bình Sơn, kho đạn Thành Tuy Hạ. Trước sức mạnh của địch, người chỉ huy quân giải phóng Long Thành dao động bỏ đơn vị chạy. Đồng chí Huỳnh Văn Đạo và đồng chí Nguyễn Văn Lung được cử làm chỉ huy trưởng và chỉ huy phó lực lượng vũ trang Long Thành. Mặc dù chưa quen chiến đấu, bộ đội Long Thành sau đó cũng đã phục kích đánh địch ở cầu Ngang (Phước Thiện) ở ngã ba Bà Ký, giết và làm bị thương một số tên. Trong trận Bà Ký, địch đi 2 xe, ta bắn hư cả 2.

Ngày 8 và 9 tháng 2, khoảng 300 quân Pháp được quân Anh mở đường đánh chiếm Vũng Tàu và Bà Rịa.

Bọn Tân – Hiền tỏ ra cực kỳ hèn nhát. Khi giặc tới, chúng đã rút về Đất Đỏ, Xuyên Mộc và chạy ra Bình Thuận. Đi tới đâu, chúng hà hiếp nhân dân tới đó. Ủy ban kháng chiến miền Nam đã bắt bọn đầu sỏ và giải tán toàn bộ lực lượng này.

Còn Lê Văn Huê – Chủ tịch Ủy ban nhân dân lâm thời – kẻ đã ngăn cản không có nhân dân tiểu thổ kháng chiến, khi Pháp đến cũng đầu hàng ngay và mang cả số vàng bạc của nhân dân đóng góp trong *tuần lễ vàng* nộp cho giặc.

Những kẻ phản bộ đã tự vạch mặt chúng.

Trong lúc đó dân quân, thanh niên cứu quốc Bà Rịa trang bị gây tầm vông, mã tấu tìm cách đánh địch, ngăn chặn bước tiến của chúng. Trên lộ số 2 (đoạn song Cầu) bộ đội Mười Tỷ đã phục kích, nổ súng diệt một số địch.

Đến tháng 2 năm 1946, hơn năm tháng đã qua, quân và dân Biên Hoà, Bà Rịa đã vượt qua những khó khăn, phức tạp, chiến đấu anh dũng, bảo toàn lực lượng, phát triển được cơ sở mặt trận Việt Minh, giữ được căn cứ Tân Uyên, căn cứ Long Mỹ, gây cho địch một số tổn thất. Qua chiến đấu ta đã loại trừ các phần tử cơ hội, các lực lượng ô hợp, nội bộ ta được trong sạch hơn trước. Nhưng lực lượng quân sự của ta, tuy có bước thống nhất nhưng chưa tạo được sức mạnh, chưa có cách đánh thích hợp nên không ngăn chặn được sức tiến công của địch. Giặc Pháp đã chiếm đóng được thị xã Biên Hoà, Bà Rịa – Vũng Tàu, các thị trấn, đường giao thông chiến lược, các vùng cao su một cách nhanh chóng và đang lần chiếm “binh định” vùng nông thôn.

Tháng 2 năm 1946, Bộ Tư lệnh Quân khu 7 đã đề ra một số chủ trương: Cùng cổ bộ đội; tiêu diệt phản động; nắm vững dân chúng; phát động du kích; tăng cường hoạt động ở thành phố; phá cao su.

Theo chủ trương trên, lực lượng kháng chiến Bình Xuyên đã được tổ chức lại thành 4 chi đội. Bộ đội Ba Dương gồm chi đội 2, 3. Ở Thủ Dầu Một đã thành lập chi đội 1. Tất cả các chi đội mới được tổ chức lại cũng như lực lượng vũ trang các tỉnh từ đây thống nhất tên gọi: Vệ quốc đoàn.

Tháng 2 năm 1946, một sự kiện làm nức lòng đồng bào, cán bộ và chiến sĩ Nam Bộ: Hồ Chủ Tịch thay mặt đồng bào cả nước tặng quân và dân Nam Bộ danh hiệu vẻ vang: *Thành đồng Tổ quốc*.

## **II – ĐÁNH ĐỊCH PHẢN BỘI HIỆP ƯỚC 6 – 3. TRANH THỦ CÙNG CÓ LỰC LƯỢNG ĐẨY MẠNH KHÁNG CHIẾN.**

Sau khi hiệp ước Pháp – Hoa được ký kết từ Trùng Khánh (ngày 28-2) ngày 3-3-1946 Thường vụ Trung ương Đảng đã chỉ rõ âm mưu thâm độc của địch: “Muốn cứu vãn quyền lợi chung của đế quốc, chống phong trào cách mạng vô sản và cách mạng thuộc địa, Anh, Pháp, Mỹ và Tàu Tưởng đã dẹp mâu thuẫn bộ phận ở Đông Dương, do đó hiệp ước Pháp – Hoa không phải là chuyện riêng của Tàu Tưởng và Pháp, nó là chuyện chung của bốn đế quốc và tay sai của chúng ở thuộc địa...”<sup>1</sup>, song do những khó khăn nội bộ của chúng và trước sự lớn mạnh của cách mạng Việt Nam, cả Pháp và Tưởng đều muốn dàn xếp với ta về việc quân Pháp kéo vào nước ta”<sup>2</sup>. Trong lúc đó, Xanh-tơ-ni, Xa-lăng cho hạm đội Pháp tiến vào vùng biển Hải Phòng (ngày 5-3-1946), ép ta chấp nhận chế độ tự trị. Chúng không thừa nhận Việt Nam là một quốc gia độc lập vì sợ ảnh hưởng đến toàn bộ hệ thống thuộc địa. Ta phải có một giải pháp để chủ động đối phó.

16 giờ ngày 6-3-1946, bản Hiệp định sơ bộ được ký tại Hà Nội. Theo Hiệp định, chính phủ Pháp công nhận nước Việt Nam Dân chủ cộng hoà là một quốc gia tự do nằm trong khối liên hiệp Pháp.

Ngày 9-3, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra chỉ thị “Hoà để tiến”. Chỉ thị vạch rõ thắng lợi của ta là đã buộc chính phủ Pháp phải công nhận quyền tự chủ và thống nhất đất nước của Việt Nam. Nhưng thắng lợi ấy mới chỉ là bước đầu. Thực dân Pháp chưa chịu từ bỏ âm mưu xâm lược nước ta. Ta chủ trương hoà hoãn nhưng vẫn không ngừng một phút công việc chuẩn bị kháng chiến trong cả nước. Chỉ thị nhấn mạnh việc đề phòng thực dân Pháp bội ước và nhắc nhở nhân dân ta tiếp tục chuẩn bị kháng chiến lâu dài.

---

<sup>1</sup> Những sự kiện lịch sử Đảng – tập II (1945-1954), Nhà xuất bản Sự thật 1979, trang 54.

<sup>2</sup> Những sự kiện lịch sử Đảng – tập II (1945-1954), Nhà xuất bản Sự thật 1979, trang 54.

Đúng như chỉ thị *hoà để tiến* đã chỉ ra, thực dân Pháp đã vi phạm trắng trợn hiệp ước đã ký kết. Ở Nam Bộ và Nam Trung Bộ chúng không chịu đình chỉ chiến sự.

Thay Valuy đã dẫn quân ra Bắc, Nyô một mặt mở rộng các cuộc hành quân, một mặt củng cố các vị trí đã chiếm đóng được. Nyô đã chia Nam Bộ thành 3 tiểu khu. Tiểu khu Biên Hoà bao gồm hầu hết các tỉnh miền Đông, trừ đặc khu Sài Gòn – Chợ Lớn – Gia Định thuộc quyền tổng chỉ huy quân đội viễn chinh; trong tiểu khu Biên Hoà, Nyô chú trọng hướng Biên Hoà, Bà Rịa, Thủ Đức.

Ở Biên Hoà, quân Pháp tiếp tục chiếm đóng các sở cao su lớn ở Xuân Lộc, uy hiếp các căn cứ kháng chiến ở vùng này.

Tháng 3-1946, với khoảng 500 quân, chúng mở trận càn đầu tiên vào vùng tự do của ta ở Long Thành (vùng lòng chảo Phước Thọ – Phước An). Vệ quốc đoàn Long Thành đã phân tán thành từng phân đội, luôn ra phía sau, thọc sâu chia cắt đội hình quân địch, đánh nhanh, rút nhanh. Ta đã phá huỷ một số xe GMC, bắt sống 7 tên lính lê dương; địch phải dùng máy bay ném bom, bắn phá để mở đường. Ta vẫn bám sát chúng đánh nhiều trận nhỏ, tiêu hao địch. Chúng phải bỏ dở trận càn. Tại quận Châu Thành, giặc Pháp đã xông lên vùng tả ngạn sông Đồng Nai và đóng thêm một số đồn bót ở cả hai bờ sông vùng phụ cận thị xã.

Ngày 15 tháng 3, địch huy động 5000 quân có không quân yểm trợ, tấn công chiến khu Tân Uyên. Chúng hành quân bằng cả đường bộ và đường sông, hình thành nhiều cánh trên một khu vực rộng. Từ Biên Hoà lên Cây Đào toả ra thành một vòng cung lớn ôm hết các xã bên tả ngạn sông, quân địch từ bắc Tân Ba kéo lên, từ Phước Hoà theo đường 16 đổ xuống, phối hợp với quân chiếm đóng Thủ Dầu Một, từ Tân Long xuyên rừng đánh thẳng Tân Tịch, hội quân với cánh từ Cây Đào lên (quãng bến đò Bà Miêu) tuần tra kiểm soát đến tận sở Ông Đội (Lạc An) nhằm ngăn chặn bộ đội ta vượt thoát qua sông Đồng Nai và sông Bé. Các gọng kìm xiết chặt dần. Chúng lùng sục kỹ lưỡng từng khu vực và thực hiện chính sách: Đốt sạch, phá sạch, giết sạch. Nhà cửa tài sản của dân như lúa, thóc, trâu bò, ruộng mía... đều bị giặc thẳng tay triệt phá.

Lúc này Vệ quốc đoàn Biên Hoà phát triển lên 4 trung đội (1 trung đội tương đương đại đội ngày nay) đã phối hợp với lực lượng vũ trang bảo vệ Khu 7 tổ chức đánh địch nhiều trận. Có trận đánh quân đổ bộ bằng đường sông. Có trận đánh địch hành quân trên đường bộ, làm chậm bước tiến của giặc. Ban đêm du kích cùng bộ đội tập kích đánh địch đóng ngoài công sự. Tiếng súng nổ suốt ngày đêm. Quân địch

bị đánh, bị quấy rối liên tục. Tuy vậy, bộ đội ta chưa đánh được trận nào có hiệu quả lớn. Chiến khu Tân Uyên bị địch tàn phá. Và chúng đã đóng thêm một số đồn ngay giữa chiến khu và cả hai bờ sông, hình thành một vành đai bao vây Tân Uyên, chia cắt Tân Uyên với các quận xung quanh.

Sau trận này, bộ chỉ huy Khu 7 rời Mỹ Lộc vào Giáp Lạc – Bưng Kỳ – Lộc An. Các cơ quan đóng phân tán thành 3 khu vực. Một khu vực mang một mật danh: chiến khu A, B, C. Ban chỉ huy Vệ quốc đoàn Biên Hoà vẫn đóng ở Tân Hoà – Mỹ Lộc, và gọi căn cứ của mình là chiến khu Đ.

Ở Bà Rịa, sau khi chiếm thị xã, địch nhanh chóng đóng lại các quận lỵ Long Điền và Đất Đỏ. Chúng khai thông lộ 2 và các lộ 23, 23, 52; lập đồn bót ở Xã Bang, Xuyên Lộc, Phước Hải và xây dựng Nước Ngọt (Long Hải) thành chi khu độc lập. Vũng Tàu cũng là một chi khu độc lập trực thuộc tiểu khu.

Trước tình hình địch đang mở rộng chiếm đóng và bình định, tháng 3 năm 1946, tại căn cứ Long Mỹ, Ban vận động xây dựng Ủy ban mặt trận Việt Minh tỉnh đã họp bàn việc xây dựng lực lượng, xây dựng cơ sở. Hội nghị nhận định: Thế giặc mạnh nhưng số lượng quân giặc ở Bà Rịa chỉ có hạn. Nếu mở rộng chiếm đóng, chúng phải tuyển mộ thêm thân binh. Nhưng muốn mộ được thân binh, chúng phải lập tề trước đã. Ta cần lợi dụng cơ hội này đưa người của ta vào hội tề, chọn những thanh niên tốt gài vào lính Pạc-ti-dăng (thân binh) để kiểm súng, khi có thời cơ lại rút ra. Mặt khác, ở những nơi địch lăm le lập tề mà ta không nắm được chúng thì các đội vũ trang tuyên truyền phải tìm cách ngăn chặn thuyết phục những tên lừng chừng, cảnh cáo những tên đầu sỏ, khi cần thì diệt trừ chúng. Hội nghị còn chủ trương chia địa bàn tỉnh ra thành 7 khu vực. Mỗi khu vực có một chỉ huy trưởng phụ trách.

Sau khi chia các khu vực, các đội vũ trang tuyên truyền cũng được giao cho các trưởng khu vực. Riêng khu vực 6 do đồng chí Trần Ánh Sáng phụ trách đã thành lập đội du kích Quang Trung được trang bị 2 khẩu súng trường. Tháng 4 năm 1946, đội tiến đánh đồn Xà Bang (lộ 2) thu 4 súng trường và một số đạn dược.

Các đội vũ trang tuyên truyền ở các khu vực và đội du kích Quang Trung (khu vực 6) chính là lực lượng nòng cốt để hình thành những phân đội vũ trang tập trung của Bà Rịa sau này.

Ở Biên Hoà, tháng 4 năm 1946, đại diện quân Pháp và Bộ chỉ huy chiến khu 7 đã thoả hiệp tiếp xúc và thương thuyết để đình chỉ xung đột hiệp định sơ bộ 6 tháng 3.

Bộ Tư lệnh Khu 7 nhận định đây chỉ là hành động nhằm che đậy dã tâm xâm lược của giặc Pháp, đồng thời để tránh sức ép của dư luận tiến bộ đang lên án chúng. Nhưng đây cũng là dịp để ta tranh thủ dư luận vạch mặt kẻ thù, có thêm thời gian để củng cố, xây dựng lực lượng.

Trong khi ta và Pháp đang mở cuộc thương thuyết cuối tháng 4 năm 1946, đồng chí Nguyễn Đức Thuận được liên Tỉnh uỷ miền Đông (sau là Khu uỷ Khu 7) cử về Biên Hoà truyền đạt một số chỉ thị của trên và củng cố lại Đảng bộ. Đồng chí đã triệu tập hội nghị tại cù lao Bình Hoà. Tại hội nghị đồng chí Nguyễn Đức Thuận đã giải thích rõ việc tuyên bố tự giải tán của Đảng ta và chỉ thị đồng chí Trần Minh Trí làm Bí thư Tỉnh uỷ, đồng chí Nguyễn Văn Ký làm phó bí thư. Hội nghị đã phân tích âm mưu của giặc Pháp sau khi ký hiệp định sơ bộ và nêu nhiệm vụ của Đảng bộ ta phải kiên quyết lãnh đạo nhân dân trong tỉnh tiếp tục đẩy mạnh cuộc kháng chiến. Hội nghị đề ra một số công tác cấp bách như: Tổ chức hệ thống Đảng từ quận đến xã, trong các ngành và quân đội, xây dựng Uỷ ban hành chính các cấp trước mắt là củng cố Uỷ ban hành chính tỉnh<sup>1</sup>. Hội nghị quyết định cử đồng chí Huỳnh Văn Nghệ - Uỷ viên quân sự – kiêm chủ tịch Uỷ ban hành chính tỉnh bổ sung đồng chí Lê Thái và một số cán bộ khác vào Uỷ ban.

Hội nghị nhấn mạnh công tác lãnh đạo xây dựng lực lượng vũ trang tập trung và du kích xã, củng cố vững chắc hơn nữa các đoàn thể cứu quốc, trước hết là Uỷ ban mặt trận Việt Minh các cấp. Hội nghị nhất trí cử đồng chí Huỳnh Văn Luỹ làm Chủ nhiệm Uỷ ban mặt trận Việt Minh tỉnh thay chi đồng chí Hồ Hoà. (Đồng chí Hồ Hoà đã về Bà Rịa).

Cuộc thương thuyết ở miếu Bà Cô vừa kết thúc, thì ngày 19 tháng 4, giặc Pháp mở một cuộc hành quân chớp nhoáng vào khu vực Tân Tịch – Thường Lang – Lạc An, nơi chúng tin chắc là khu bộ Khu 7 vẫn còn đóng. Bộ đội ta đã chặn đánh địch quyết liệt để bảo vệ cơ quan đầu não, diệt gọn 2 tiểu đội lê dương, bắn cháy một xe quân sự. Địch phải rút lui.

---

<sup>1</sup> Vì Hoàng Minh Châu đã trúng cử đại biểu Quốc hội, kinh lý Nguyễn Văn Tàng phó Chủ tịch bị bệnh nặng, Hoàng Bá Bích Tổng thư ký vừa bị giặc giết hại, Tô Văn Cửa – Uỷ viên văn hoá xã hội bị địch bắt.

Đến tháng 5 năm 1946, giặc Pháp lại huy động 8000 quân tiến công chiến khu Tân Uyên. Sau hiệp định sơ bộ đây là lần thứ hai địch mở một cuộc hành quân lớn vào căn cứ này, hòng tiêu diệt lực lượng vũ trang ta, đập tan bộ máy lãnh đạo chiến tranh ở miền Đông Nam Bộ và Biên Hoà.

Lấy Tân Uyên và Tân Tịch làm bàn đạp, giặc Pháp mở nhiều mũi tấn công càn sâu vào rừng lên tận Đất Cuốc, Bình Cơ, Bình Mỹ, Bà Đã, Hàng Dài, Thuộc Nghĩa. Ở tả ngạn sông Đồng Nai, từ miếu Bà Cô, giặc tiến lên Tân Tịch – Đại An – Cây Gáo và càn sâu vào căn cứ du kích Đồng Lách, nơi có hai trung đội (4 và 5) Vệ quốc đoàn Biên Hoà thường xuyên đứng chân hoạt động.

Các trung đội Vệ quốc đoàn bước đầu đã có kinh nghiệm chống càn. Lần này ta tập trung lực lượng đánh địch ở hướng chính, làm chậm bước tiến quân của giặc. Bộ đội ta liên tục bám sát, quấy rối địch hạn chế giặc sực sạo bảo vệ cơ quan Bộ chỉ huy Khu 7, chuyển dần ra ngoài vòng vây địch. Đêm tối, các trung đội lại phân tán lực lượng phối hợp cùng du kích bất ngờ tập kích địch ở nhiều điểm đóng quân dã ngoại không có công sự che chắn vững chắc. Ở An Lạc, ta đã bắn bị thương một máy bay SPITFIRE (do tên thiếu tá Bacbie lái) bằng súng đại liên 12 ly 7. Chiếc máy bay rơi cách thị trấn Long Thành 4km. Tên giặc lái chết; du kích Long Thành đã thu một khẩu súng ngắn 12 ly<sup>1</sup>. Cùng với hành quân lấn chiếm, giặc tàn phá các xã hai bên bờ sông. Ở vùng phụ cận quận Châu Thành, chúng khủng bố dã man nhằm uy hiếp tinh thần nhân dân. Tại các xã Lợi Hoà, Bình Phước, Bình Long, Tân Phú, Tân Phong... giặc sát hại mỗi lần cả chục đồng bào ta bất kể già hay trẻ. Trâu bò bị bắn giết gần như sạch. Lúa thóc chúng vơ vét hoặc thiêu cháy hết. Sau trận càn này, nhiều xã không còn một ngôi nhà, xóm làng chỉ còn những cột nhà cháy.

Ở Long Thành, giặc cũng lấn chiếm từng bước. Chính sách khủng bố của chúng cũng tàn bạo không kém ở Châu Thành. Đến trung tuần tháng 6, giặc đóng đồn bót sâu vào vùng tự do của ta. Chúng dựng lại hội tề và tổ chức thân binh. Bị địch chia cắt, khó liên lạc với nhau, quận Long Thành tạm thời chia địa bàn quận thành 4 khu vực để hoạt động. Mỗi khu vực được bố trí một phân đội Vệ quốc đoàn; phân đội này có nhiệm vụ phối hợp với quốc vệ đội bảo vệ chính quyền, phát triển dân quân, diệt tề trừ gian, chống địch càn quét khủng bố.

Tại Bà Rịa, địch cũng bắt đầu nong ra vùng xung quanh các thị trấn Long Điền và Đất Đỏ, nhất là ở Long Điền. Chúng nhanh chóng lập lại một số tề xã và tổ chức

---

<sup>1</sup> Khẩu súng này đồng chí Lương Văn Nho giữ và đã chuyển tặng cho Viện bảo tàng Quân đội.



thân binh ở những nơi chúng coi là đã bình định. Hoạt động quân sự của ta lúc này nhìn chung còn yếu. Lực lượng vũ trang bước đầu đã phát triển nhưng ta chưa có điều kiện tập trung để tổ chức những trận đánh có chuẩn bị sẵn. Với phương châm đánh nhỏ, đánh lẻ và ăn chắc các đội vũ trang tuyên truyền lúc bấy giờ hoạt động có khá hơn. Lực lượng du kích xã đang gây dựng còn non yếu; nhưng ở nhiều nơi anh em đã dùng mưu diệt từng tên địch, kiếm từng khẩu súng mà lớn dần từng bước.

Tại Biên Hoà, sau trận càn tháng 5 vào chiến khu Tân Uyên. Địch ra sức bình định có trọng điểm. Trước hết, chúng nhằm vào các vùng căn cứ của ta, đánh phá quyết liệt các cơ quan đầu não của tỉnh và quận. Biên Hoà đứng trước khó khăn mới.

Bộ chỉ huy Khu 7 đã chuyển về Đồng Tháp lập căn cứ mới với bí danh: Quân khu Đông Thành. Ở chiến khu Đ (Tân Uyên) áp lực quân sự của địch vẫn không giảm. Hoạt động tuần tiễu và càn quét nhỏ của giặc quanh chiến khu ngày một tăng. Những xã tương đối trù phú dọc theo sông thì địch đã chiếm hết. Các trung đội Vệ quốc đoàn không còn nằm trong dân được nữa phải tạm lánh vào rừng lập căn cứ. Các cơ quan kháng chiến của tỉnh và các quận chưa củng cố. Chính quyền của ta ở nhiều xã hoặc tan vỡ, hoặc tê liệt. Chiến trường có nguy cơ bị chia cắt. Việc tiếp tế nuôi quân gặp nhiều khó khăn trở ngại. Lương thực ngày một cạn.

Trước khó khăn, sau khi suy nghĩ cân nhắc, đồng chí Huỳnh Văn Nghệ đã quyết định tổ chức ra các quận quân sự thay cho các Ủy ban quân sự trên thực tế không còn nữa. Mỗi quận quân sự phụ trách một số xã có nhiệm vụ vừa phát triển, diu dắt dân quân du kích xã, vừa làm một phần công tác của chính quyền như thu thuế, vận động nhân dân đóng góp ủng hộ, tiếp tế cho bộ đội. Một số phân đội Vệ quốc đoàn được phân tán và đưa về cho mỗi quận quân sự một đến 2 tiểu đội làm nòng cốt cho phong trào du kích, chuẩn bị chiến trường cho các trung đội Vệ quốc đoàn về đứng chân hoạt động.

Các quận quân sự đã lần lượt ra đời trên địa bàn của tỉnh. Từ Tân Uyên đến Châu Thành lên tận Xuân Lộc... Tất cả có 9 quận quân sự. Riêng quận Long Thành vẫn giữ nguyên hình thức tổ chức khu vực.

Đây là một biện pháp tổ chức phù hợp với tình hình lúc bấy giờ. Nó là tiền đề, là cơ sở để hình thành các quân đội dân quân sau này.

Sau khi các quận quân sự ra đời, các đội du kích tập trung liên xã hình thành và phát triển dần. Các trung đội Vệ quốc đoàn trở lại bám dân hoạt động trên các vùng

trọng điểm. Trung đội 4 và trung đội 6 đã lên hoạt động ở Xuân Lộc. Trung đội 5 về đứng chân ở quận Châu Thành – sát thị xã: Trung đội một đã bám chặt vùng Tan Ba – Tân Hạnh – Tân Vạn. Ở chiến khu Tân Uyên ta đã bố trí 2 trung đội thường xuyên đánh địch bảo vệ căn cứ.

Như vậy là ở các vùng khác nhau: vùng căn cứ, vùng địch tạm chiếm, vùng du kích hoạt động yếu ta đã giải được bộ đội tập trung đứng chân vững chắc.

Có bộ đội trở về, các tổ chức kháng chiến ở cơ sở, chủ yếu là Ủy ban hành chính và mặt trận Việt Minh cũng dần dần được khôi phục. Từ tình thế khó khăn tưởng chừng không vươn lên được nhưng với tư tưởng tiến công giặc và kiên quyết bám dân, ta đã khôi phục lại cơ sở, thoát khỏi sức ép của địch và đã tạo ra thời cơ mới để đánh trả lại chúng.

Tháng 6 năm 1946, Bộ chỉ huy Khu 7 mở hội nghị tại Đồng Tháp bàn việc thống nhất tổ chức và chỉ huy lực lượng vũ trang toàn khu. Hội nghị đã quyết định tổ chức các chi đội Vệ quốc đoàn hoạt động trên địa bàn từng tỉnh và quy định mỗi chi đội tổ chức theo 4 cấp: tiểu đội, phân đội, trung đội, đại đội.

Ở Biên Hoà, theo quyết định này, bộ đội quận Long Thành, Châu Thành, Tân Uyên tập trung lại mang phiên hiệu chi đội 10. Chi đội gồm có 3 đại đội A, B, C, số quân trên 1000 người với khoảng 500 súng các loại. Đội ngũ cán bộ nhất là cán bộ từ trung đội trở xuống phần đông xuất thân từ công nhân; chiến sĩ – ngoài một số là thành phần nông dân nghèo còn hầu hết là thanh niên công nhân cao su.

Ở Bà Rịa, tháng 9-1946 khi nhận lệnh của khu, đồng chí Huỳnh Văn Đạo từ Long Thành xuống mang theo một phân đội, chuẩn bị thành lập chi đội 10. Sau đợt phá tề ở Long Điền và Đất Đỏ ta đã rút ra một số anh em đã giải vào các đội thân binh từ trước, cùng với các đội vũ trang tuyên truyền và đội du kích Quang Trung, ta đã tổ chức được 2 phân đội. Cũng trong tháng 9 chuyển tàu chở vũ khí chi viện đầu tiên của Trung ương cập bến Hồ Tràm (Xuyên Mộc) và đã bổ sung thêm cho Bà Rịa một số súng đủ trang bị cho một trung đội. Đến tháng 11 năm 1946 chi đội 16 chính thức được thành lập. Ban chỉ huy gồm: Huỳnh Văn Đạo, Hoàng Tiểu và Nguyễn Quý.

Sau đó, kho có thêm lực lượng của Nguyễn Phương Thảo (từ Bình Thạnh về) và một số thanh niên, tự vệ chiến đấu rút ở các xã lên, chi đội 16 đã phát triển tới 4 phân đội khoảng gần 200 tay súng và đứng chân hoạt động chủ yếu ở hai quận Long Điền, Đất Đỏ.

Lúc này, trên địa bàn Bà Rịa còn có chi đội 2, 3 (bộ đội Ba Dương cũ) hoạt động ở Long Thành; chi đội 7 đóng ở Phú Mỹ, lấy Bà Trao – núi Nứa (xã Long Sơn) làm bàn đạp để hoạt động ở khu vực rừng Sác và phía nam Nhà Bè, các chi đội này trực thuộc với Bộ Tư lệnh chiến khu 7.

Ngày 14 tháng 9, Hồ Chủ tịch và chính phủ Pháp đã ký một bản tạm ước. Ký bản tạm ước này ta có thêm thời gian chuẩn bị lực lượng kháng chiến và làm cho nhân dân Pháp, nhân dân thế giới hiểu rõ thiện chí của ta. Năm lấy cơ hội này, nhân dân miền Nam, nhân dân Biên Hoà, Bà Rịa đã đẩy mạnh kháng chiến khắp nơi.

Ở Bà Rịa, phát huy thắng lợi của đợt diệt tề trừ gian hồi tháng 7 ở Phước Hiệp (Đất Đỏ) và Phước Tỉnh (Long Điền), nhân bọn nguỵ quyền chưa hết hoang mang lo lắng, Tỉnh bộ Việt Minh và Ủy ban hành chính tỉnh đã phát động một đợt hoạt động mới.

Sáng 11 tháng 9, một lá cờ Đảng cắm trên đỉnh hòn Chóp Mao (Long Hải) gây một xúc động lớn và niềm tin của nhân dân hai quận Long Điền và Đất Đỏ với Đảng, với kháng chiến.

Liên tiếp nhiều đêm sau, cán bộ Việt Minh, các phân đội vũ trang cùng các đội tự vệ trong 7 khu vực của tỉnh đã nhanh chóng quét sạch bọn tề, tịch thu toàn bộ sổ sách của chúng. Ta đã xây dựng được 25 đội tự vệ ở 25 xã trong tổng số 10 xã trong toàn tỉnh. Nhiều đoạn lộ quan trọng trên các tuyến đường 15, 23, 44, 52 quân dân ta đào phá. Nhân dân các xã vùng Đất Đỏ, Hội Mỹ, Phước Hải, Long Mỹ tổ chức mít tinh mừng tạm ước. Tại Phước Hiệp, địch đã đem quân đàn áp. Quần chúng đã vây chặt địch lại và cử đại diện ra nói chuyện. Cuộc mít tinh biến thành cuộc biểu dương lực lượng, đấu tranh chính trị hợp pháp với địch. Hai dân quân tự vệ: Đinh Văn Ngọt, Bùi Văn Cường đã dũng cảm cản đầu xe địch và bị giặc bắn. Hai anh đã hy sinh. Đồng bào dự mít tinh càng căm phẫn, kịch liệt lên án tội ác dã man của chúng.

Tháng 11 năm 1946, Hội Nghiên cứu Mác-xít ở Bà Rịa ra đời. Đây là tổ chức công khai của Đảng để truyền bá và giáo dục chủ nghĩa Cộng sản, gây ý thức về Đảng trong cán bộ, nhân dân. Trụ sở của hội, các cơ sở in ấn tài liệu tuyên truyền của hội đều được đặt tại chiến khu Long Mỹ. Các cơ quan đầu não như: Ủy ban hành chính, tỉnh bộ Việt Minh, Ban chỉ huy chi đội 16 đều được đặt tại đây. Xã Long Mỹ đã thực sự trở thành căn cứ đầu tiên của phong trào kháng chiến tỉnh Bà Rịa.

Căn cứ Long Mỹ, một vùng đất cái gần biển, lưng dựa vào thế núi, đất ruộng không nhiều. Nơi đây nghề truyền thống là làm đồ gốm, làm đá, trồng rau, tráng bánh, là nơi có truyền thống đấu tranh cách mạng lâu đời. Sau xã Phước Hải (xã giáp ranh nơi có chi bộ đầu tiên của Đảng), Long Mỹ cũng đã có những đảng viên cộng sản từ những năm trước cách mạng tháng Tám. Long Mỹ chỉ cách quận lỵ Long Điền khoảng 4 km đường chim bay, song lúc này địch cũng không dễ dàng đặt chân đến đây được. Mỗi lần chúng tới đều bị các phân đội vũ trang của ta chặn đánh từ xa. Chúng chỉ còn cách thường xuyên khủng bố tinh thần nhân dân Long Mỹ bằng bắn pháo 105 ly, 155 ly từ Long Điền xuống.

Pháo giặc không ngăn cản được lòng đồng bào với cách mạng, với kháng chiến. Long Mỹ vẫn là trung tâm thu hút các tầng lớp kháng chiến từ các nơi; kể cả nhân dân ở vùng địch tạm chiếm. Bà con vẫn thường rủ nhau về Long Mỹ thăm bộ đội, dự mít tinh. Đồng bào toàn tỉnh gửi đến Long Mỹ gạo thóc, thuốc men, vải vóc...; kháng chiến cần gì đồng bào đều đáp ứng kịp thời và đầy đủ.

Đến cuối năm 1946, chỉ trong vòng 8, 9 tháng vừa xây dựng vừa chiến đấu, lực lượng vũ trang nhân dân Bà Rịa đã có một bước ngoặt mới: Đảng đã nắm được lực lượng vũ trang. Chi đội 16 đã liên tục hoạt động bảo vệ căn cứ Long Mỹ và các địa bàn đứng chân vùng Đất Đỏ, Long Điền và đã chiếm được lòng tin yêu của nhân dân địa phương. Đồng bào nhiều nơi đã gọi chi đội 16 – con em của mình – là chi đội cộng sản. Đó là sự phân biệt khác hẳn với tổ chức vũ trang kiểu Hiền – Tân trong những ngày đầu kháng chiến.

Trong lúc đó, tại Biên Hoà, từ sau tạm ước 14 tháng 9, hình thức chiến trường cũng có thay đổi. Địch bị thiếu quân nên không những không mở rộng được chiếm đóng mà còn công tác lại, án ngữ ở những khu vực quan trọng. Chúng buộc phải rút một số đồn bót mà trước kia chúng đã cắm sâu vào căn cứ Tân Uyên cũng như Long Thành. Vùng căn cứ của ta được khôi phục, mở rộng dần trở lại. Bộ máy chính quyền tỉnh, quận được chỉnh đốn một bước. Phong trào ở cơ sở chuyển biến tốt dần lên. Du kích một số xã đã làm chủ được tình hình địa phương cả ban đêm lẫn ban ngày. Quân địch chỉ hành quân tuần tiễu, càn quét nhỏ nhưng khi chúng rút về đồn bót thì lại bị lực lượng vũ trang ta áp sát bao vây lại. Các quận quân sự đẩy mạnh việc truy quét bọn tề, điệp. Ở Châu Thành và Xuân Lộc việc trừ gian diệt tề được tiến hành ráo riết. Hai đồng chí Tư Xã (Trần Văn Xã) và Vũ Ba Kẹ (Nguyễn Văn Vũ) đã nhiều phen làm cho quân thù khiếp sợ. Nhiều tên Việt gian thoát chết, ngày cũng như đêm chúng phải rút vào đồn bót nhờ che chở. Ở thị xã Biên Hoà, Ban công tác

số 7 do Bảy Mén (Võ Văn Mén) trực tiếp chỉ huy vẫn thường xuyên đột nhập thị xã và các xã phụ cận trừ gian diệt tề, phục kích đánh địch đi lẻ... Tinh thần bọn tay sai ngày càng sa sút.

Do tình hình đã có sự biến đổi rõ rệt, các quận quân sự coi như đã hoàn thành nhiệm vụ. Để tránh chòng chéo lên chức năng của chính quyền, sau khi bàn bạc và được sự nhất trí của Ủy ban hành chính tỉnh, Ban chỉ huy chi đội 10 quyết định chuyển các quận quân sự thành các Ban công tác liên thôn, tiền thân các quân đội dân quân sau này. Dưới các ban công tác liên thôn là các ban công tác xã (các xã đội dân quân). Nhiệm vụ các ban công tác được quy định rõ: Xây dựng các đội du kích tập trung và du kích xã; thường xuyên đánh du kích tiêu hao địch; đánh giao thông, phá hoại cầu, đường; vận chuyển tiếp tế và phối hợp tác chiến cùng bộ đội với quy mô lớn khi có điều kiện.

Các ban công tác liên thôn và liên xã là một tổ chức quân sự giúp cho Ủy ban hành chính quận, xã, nhưng lại do chi đội chỉ huy và quyết định về kế hoạch hoạt động. Như vậy là đến cuối năm 1946, trên địa bàn tỉnh đã hình thành 3 hình thức tổ chức lực lượng vũ trang: các đại đội tập trung của chi đội, các đội du kích tập trung của ban công tác liên thôn và du kích xã; đây là tiền đề để xây dựng và phát triển 3 thứ quân trong các năm sau. Ở trong thị xã từ các tổ ám sát lúc đầu với nhiệm vụ trừ gian, diệt tề đã phát triển thành Ban công tác thành tiền thân của biệt động đội Biên Hoà.

Cũng trong thời gian này chi đội 10 có bước phát triển mới về tổ chức. Các tiểu ban quân nhu, quân trang, quân y, sản xuất tự túc và binh công xưởng cũng bước đầu được xây dựng. Bác sĩ Võ Cương làm cả hai nhiệm vụ trưởng tiểu ban quân y và quân y viện trưởng. Ban giám đốc công binh xưởng gồm các đồng chí Bùi Cát Vũ, Nguyễn Cao và Đặng Sỹ Hùng. Chu đội còn tổ chức chi quân vào để nắm tình hình địch và một trung đội trinh sát liên lạc. Các đại đội A, B, C được bố trí dưng chân hoạt động trên địa bàn từng quận và đã phục kích, tập kích đánh địch nhiều trận. Đại đội B đánh phục kích liền 2 trận trên đường Cây Đào – Rạch Đông, đánh đồn điền Bình Lộc, diệt bớt miếu Bà Cô (Thiện Tân) phục kích địch trên lộ 8, diệt cả tiểu đội lính lê dương Pháp – (Tháng 12 năm 1946).

Kết thúc năm đầu kháng chiến, với tinh thần “thà chết tự do hơn sống nô lệ”, Đảng bộ và quân dân Biên Hoà, Bà Rịa đã vượt qua khó khăn, thử thách vừa chiến đấu vừa xây dựng, phát triển lực lượng về mọi mặt. Lực lượng vũ trang từ những đơn vị nhỏ lẻ còn bỡ ngỡ trong chiến đấu được xây dựng thành các chi đội theo

đường lối tổ chức lực lượng vũ trang cách mạng của Đảng. Lực lượng dân quân du kích cũng đang trên đà phát triển. Các căn cứ kháng chiến (Tân Uyên, Long Mỹ và Bình Đa) đã đứng vững trước sự tiến công ác liệt của kẻ thù. Công tác diệt tề, trừ gian khôi phục và phát triển cơ sở quần chúng củng cố chính quyền nhân dân đạt được hiệu quả có ý nghĩa chính trị lớn.

Tuy thế địch, lực địch còn mạnh hơn ta, nhưng chiến trường Biên Hoà, Bà Rịa đang chuyển mình mạnh mẽ để cùng cả nước bước vào cuộc kháng chiến toàn quốc.

## **CHƯƠNG HAI**

### **ĐẨY MẠNH CHIẾN TRANH DU KÍCH, XÂY DỰNG CĂN CỨ BÀN ĐẠP, XÂY DỰNG BA THỨ QUÂN (1947 -1950)**

#### **I - CÙNG CẢ NƯỚC BƯỚC VÀO CUỘC KHÁNG CHIẾN TOÀN QUỐC. CHIẾN TRANH DU KÍCH PHÁT TRIỂN RỘNG KHẮP.**

Đêm 19 tháng 12 năm 1946, thực dân Pháp gây hấn ở thủ đô Hà Nội, thành phố Hải Phòng, Huế, thị xã Nam Định, mở rộng chiến tranh xâm lược ra cả nước ta.

Ngày 19 tháng 12, Hồ Chủ tịch ra “Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến”, Người nói: “Chúng ta muốn hoà bình, chúng ta phải nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới, vì chúng quyết tâm cướp nước ta lần nữa”...

“Không! Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô nệ”. Người kêu gọi “Bất kỳ đàn ông, đàn bà, bất kỳ người già người trẻ, không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc. Hễ là người Việt Nam thì phải

đứng lên đánh thực dân Pháp để cứu Tổ quốc. Ai có súng dùng súng, ai có gươm dùng gươm, không có gươm thì dùng cuốc, thuổng, gậy gộc. Ai cũng phải ra sức chống thực dân Pháp cứu nước”<sup>1</sup>.

Ngày 22 tháng 12 năm 1946, Trung ương đảng ra chỉ thị “Toàn dân kháng chiến” vạch rõ chủ trương và đường lối kháng chiến *toàn dân, toàn diện, trường kỳ*. Chỉ thị quan trọng này đã được đồng chí Trường Chinh – Tổng bí thư của Đảng – giải thích đầy đủ trong tác phẩm “Kháng chiến nhất định thắng lợi”.

Tiếp đó, Bộ trưởng Quốc phòng, Tổng chỉ huy quân đội quốc gia Việt Nam đã ra lệnh chiến đấu:

“Tổ quốc lâm nguy!

Giờ chiến đấu đã đến!

Theo chỉ thị của Hồ Chủ tịch và Chính phủ, nhân danh Bộ trưởng Quốc phòng – Tổng chỉ huy, tôi hạ lệnh cho toàn thể bộ đội Vệ quốc quân và dân quân tự vệ Trung – Nam – Bắc phải nhất tề đứng dậy, phải xông tới mặt trận giết giặc cứu nước”.

Theo lời kêu gọi của Trung ương Đảng, Chính phủ và mệnh lệnh của Tổng chỉ huy, đêm 19-12, quân dân thủ đô Hà Nội đã nổ súng vào các vị trí đóng quân của Pháp, mở đầu cuộc kháng chiến toàn quốc. Cùng đêm, quân và dân các thành phố Nam Định, Huế, Đà Nẵng, Hải Phòng... cũng nhất tề đứng lên tiến công giặc.

Cả nước đứng lên chống giặc Pháp xâm lược.

Mở rộng chiến tranh ra cả nước ta, thực dân Pháp buộc phải điều bớt lực lượng ở Nam Bộ ra Bắc Bộ. Trên chiến trường miền Đông. Biên Hoà, Bà Rịa, Pháp đã đưa một số quân chủ lực và vũ khí tăng cường cho mặt trận Bắc Bộ.

Cũng trong tháng 12 năm 1946, Thường vụ Trung ương Đảng đã ra chỉ thị cho xứ uỷ Nam Bộ: Nhiệm vụ của Nam Bộ là không để cho Pháp đem hết tài sản chiếm được ở Nam Bộ ra đánh Trung và Bắc; phải tìm mọi cách uy hiếp thành phố Sài Gòn, phá hoại kho tàng và phương tiện chuyên chở của địch; kết hợp đấu tranh vũ trang với đấu tranh chính trị của quần chúng, tổ chức các đội xung quanh cảm tử tiêu trừ Việt gian, bảo vệ và xây dựng chính quyền cách mạng; đẩy mạnh công tác binh vận; đoàn kết toàn dân, đoàn kết tôn giáo. Thường vụ và Trung ương đảng nhắc lại: đảng ta cần phải mạnh và thống nhất. Không có một đảng thống nhất và mạnh mẽ, không thể đương đầu với tình thế hiện tại được.

---

<sup>1</sup> Hồ Chí Minh toàn tập, tập 4, Nxb Sự thật 1984, trang 202.

Để thực hiện chỉ thị Trung ương, đầu năm 1947, Xứ uỷ Nam Bộ lại tăng cường cán bộ cho hai tỉnh Biên Hoà, Bà Rịa. Có thêm thuận lợi mới, quân dân Biên Hoà, Bà Rịa đã đẩy mạnh phong trào kháng chiến tiến lên bước mới, phối hợp với toàn quốc kháng chiến.

Tại Biên Hoà, sau khi cân nhắc tính toán kỹ tình hình địch ta trên các địa bàn, Ban chỉ huy chi đội 10 đã chọn chiến trường Xuân Lộc để đưa bộ đội lên hoạt động. Xuân Lộc, một địa bàn trọng yếu của tỉnh, nhưng lúc này địch tương đối yếu và có nhiều sơ hở, Xuân Lộc cũng là một địa bàn rộng, các đường giao thông – đường bộ, đường sắt – đều nằm lọt giữa rừng dày. Tại đây, bộ đội ta có điều kiện tổ chức, những trận đánh giao thông vừa phối hợp kịp thời với chiến trường Bắc Bộ, hạn chế được việc chuyển quân, tiếp tế của giặc từ Sài Gòn ra Bắc theo chỉ thị của Trung ương, vừa tiêu diệt được sinh lực địch hỗ trợ cho địa phương đẩy mạnh chiến tranh du kích.

Để nghi binh đánh lạc hướng sự phán đoán của địch, ban chỉ huy chi đội dùng đại đội A hoạt động ở vùng ngoại ô quận lỵ Tân Uyên. Tháng 3 năm 1947, đại đội A có cơ sở nội ứng phối hợp đã tập kích bất ngờ tiêu diệt đồn Đất Cốc cắm sâu vào căn cứ Chiến khu Đ do một trung đội địch đóng giữ. Phát huy thắng lợi, đại đội A diệt luôn bót Thái Hoà. Đồng thời, ta đẩy mạnh hoạt động quân sự ven thị xã Biên Hoà, diệt bót Vĩnh Cửu (Tam Hiệp), chống càn diệt gọn một tiểu đội lê dương ở trường Nước Nhĩ (Long Bình).

Đầu tháng 5 năm 1947, mọi công tác chuẩn bị chiến đấu ở Xuân Lộc theo ý đồ Ban chỉ huy chi đội 10 đã hoàn thành. Trong việc chuẩn bị chiến đấu, dân quân xã đã đóng góp công sức về nhiều mặt: từ dẫn đường cho bộ đội nghiên cứu thực địa chiến trường, bố trí trận địa phục kích, đến việc chuyên chở, xay, giã và cất giấu gạo, mắm; từ bám sát theo dõi chặt chẽ quy luật chuyển quân của địch đến việc mở các đường hành quân, bảo đảm thông tin liên lạc cho chỉ huy chiến đấu... Nhân dân địa phương, chủ yếu là đồng bào dân tộc ít người ở vùng núi Chứa Chan và công nhân các sở cao su, với nhiều hoạt động mưu trí, dũng cảm đã hoàn toàn che kín được tai mắt giặc trong việc chuẩn bị gạo, mắm đủ cho bộ đội ăn để hoạt động dài ngày.

Ngày 19 tháng 5 năm 1947, đúng dịp kỷ niệm ngày sinh Hồ Chủ tịch, đại đội B (chi đội 10) đánh trận Bảo Chánh – trận mở màn đợt đánh giao thông. Trận đánh diễn ra theo đúng kế hoạch tác chiến của ta. Mìn vừa nổ, xa lửa bị trật đường ray, buộc phải dừng lại. Đại đội B xung phong diệt gọn đoàn tàu, thu toàn bộ vũ khí đạn